HLAC

HỮU LIÊN Á CHÂU

友聯亞洲鋼鐵

CỦNG CỐ NGUỒN LỰC
VƯỢT QUA THÁCH THỨC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2011**

CỦNG CỐ NGUỒN LỰC VƯỢT QUA THÁCH THỨC

Là một trong các giai đoạn của quá trình Tái cấu trúc doanh nghiệp được Công ty triển khai từ năm 2010, nhằm chuẩn bị sẵn sàng cho sự phát triển bền vững trong tương lai theo Chiến lược 2010 – 2020; Năm nay, năm 2012 được Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu xác định là năm tập trung củng cố mọi nguồn lực, giữ vững ổn định, luôn trong tư thế chuẩn bị để vượt qua thách thức của ngành thép Việt Nam nói chung, cũng như thách thức thay đổi trong Công ty nói riêng, nhằm xây dựng nền tảng ngày càng vững chắc hơn theo lộ trình phát triển đã được đề ra, để luôn là thương hiệu dẫn đầu trong ngành ống thép của cả nước

MỤC LỤC

CỦNG CỐ NGUỒN LỰC

Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi, Triết lý kinh doanh 2
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị 4
Con số và Sự kiện nổi bật 2011 6

TẬP TRUNG NỀN TẢNG THÉP

Những cột mốc quan trọng 10
Sản phẩm và Dịch vụ 12
Quy trình sản xuất 14
Nguồn nhân lực 16
Tín danh ngành thép 18
Đối tác tin cậy 21

KIỆN TOÀN HỆ THỐNG QUẢN TRỊ

Sơ đồ tổ chức 24
Hội đồng Quản trị 26
Ban Tổng Giám đốc 28
Ban Kiểm soát 29
Các mục tiêu giai đoạn 2012 – 2017 30

DUY TRÌ ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Báo cáo Hội đồng Quản trị 34
Báo cáo Ban Tổng Giám Đốc 37
Báo cáo Ban kiểm soát 39
Báo cáo tài chính năm 2011 44

VƯỢT QUA THÁCH THỨC

Phát triển thị trường 78
Tăng cường giá trị 80
Mời gọi đầu tư 85

TẦM NHÌN

Gia nhập hàng ngũ 100 thương hiệu hàng đầu ngành thép thế giới và trở thành một tập đoàn kinh doanh chuyên ngành thép hàng đầu tại Việt Nam.

SỨ MỆNH

Mang đến sự hài lòng cho các đối tác, cộng sự với sự trân trọng của tình bằng hữu thông qua việc thực hiện những cam kết trong kinh doanh.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Hài lòng đối tác
- Tôn trọng và hợp tác đôi bên cùng có lợi.
- Chăm sóc và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Giữ gìn uy tín
- Trung thực và giữ lời hứa với khách hàng, cộng sự.

Tinh thần đồng đội
- Trách nhiệm, hỗ trợ và cởi mở trong quan hệ đồng nghiệp.

Hiệu quả công việc
- Lấy hiệu quả công việc làm thước đo trong mọi hoạt động.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

"Mỗi khách hàng, mỗi cộng sự là một bằng hữu; và mỗi sản phẩm là một lời cam kết về giá trị."

Hữu Liên Á Châu giữ vững cam kết cung cấp chất lượng vượt trội thông qua việc đảm bảo quy trình phù hợp, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và ứng dụng công nghệ tiên tiến để tạo ra các sản phẩm có độ bền cao.

Hữu Liên Á Châu hoạt động theo tiêu chí "Uy tín vàng" thông qua việc lắng nghe khách hàng, tăng cường năng lực ban lãnh đạo và nhân viên, đẩy mạnh mối quan hệ chiến lược để mang đến sự phát triển bền vững cho cổ đông, nhà đầu tư và nhân viên.

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

"LUÔN BỀN BỈ VỚI TRIẾT LÝ KINH DOANH VÀ NĂNG ĐỘNG TRONG PHÁT TRIỂN"

Kính thưa Quý cổ đông,

Sự thành công của một doanh nghiệp không chỉ được thể hiện ở doanh thu hay ở bề dày thâm niên mà còn ở chính sự bền bỉ với triết lý kinh doanh và năng động trong phát triển. Trước tình hình khó khăn của nền Kinh tế Việt Nam nói chung và ngành Thép nói riêng năm 2011 vừa qua, Hữu Liên Á Châu vẫn kiên định giữ vững triết lý kinh doanh hơn 34 năm của mình ***"Mỗi khách hàng, mỗi cộng sự là một bằng hữu; Mỗi sản phẩm là một lời cam kết về giá trị"****.*

Trong năm qua, Công ty cũng đã có những bước củng cố nguồn lực, xây dựng nền tảng vững chắc cho chiến thuyền Hữu Liên, để sẵn sàng đương đầu với những khó khăn hiện tại, cũng như thách thức mới trong năm 2012 và hướng tới một tương lai phát triển bền vững.

Bằng việc Tái cấu trúc Doanh nghiệp được triển khai, cơ cấu lại cấu trúc tổ chức, củng cố nâng cao năng lực của các vị trí lãnh đạo, xây dựng chiến lược kinh doanh trung dài hạn 2011 – 2015 cho từng nhóm sản phẩm thép, đưa vào vận hành Nhà máy Thép Hữu Liên. Tất cả các hoạt động trên đã tạo tiền đề để củng cố và ổn định cho Hữu Liên Á Châu trong năm 2012.

Đặc biệt Công ty đã chuẩn bị sẵn sàng tất cả các công đoạn, cho việc ra mắt sản phẩm chiến lược mới, trong năm 2012, đó là: "Ống thép hàn – dày, Hữu Liên Á Châu"

Bước vào chặng đường mới, với nhiều cơ hội và thách thức, chúng ta sẽ không ngần ngại thay đổi, theo hướng tích cực hơn khi cần thiết, để vươn lên và phát triển hơn, nhằm mang lại nhiều lợi ích hơn cho Quý cổ đông, cũng như Tập thể CBCNV đang làm việc tại Hữu Liên Á Châu.

Bằng một niềm tin mãnh liệt vào tương lai, tôi tin rằng, năm 2012 sẽ hứa hẹn nhiều bước phát triển mới cho Công ty và Quý cổ đông, để chúng ta cùng nhau phát triển.

Thay mặt HĐQT, tôi xin chân thành bày tỏ lòng cảm ơn Quý cổ đông đã tin tưởng, đồng hành với chúng tôi trong suốt thời gian qua. Chúng tôi mong rằng sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ từ Quý cổ đông để chúng tôi phát huy được thế mạnh của mình trong năm mới.

Xin chúc Quý vị nhiều sức khỏe và thành công trong năm 2012

Trân trọng.

TRẦN XẢO CƠ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CON SỐ VÀ SỰ KIỆN NỔI BẬT 2011

1 Nhà máy thép Hữu Liên tại KCN Phú An Thạnh vận hành thử dây chuyền sản xuất sản phẩm mới Ống thép hàn dày 4 inch.

Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên đã bắt đầu khởi công xây dựng và lắp đặt dây chuyền sản xuất ống thép hàn dày 4 inch đầu tiên, đây là dây chuyền hiện đại được nhập trực tiếp từ Hàn Quốc và được các chuyên gia nước ngoài tư vấn trong suốt quá trình xây dựng và lắp đặt. Đến nay, dây chuyền đã được hoàn thành và đang được đưa vào vận hành chạy thử, dự kiến sẽ đưa vào sản xuất trong Quý 1 năm 2012.

2 Lựa chọn Nhà Phân Phối Chính tại Myanmar

Tháng 9 năm 2011 đánh dấu một bước tiến quan trọng của Hữu Liên Á Châu sau một thời gian dài phát triển thị trường Myanmar. Dựa trên chiến lược mở rộng xuất khẩu, chiếm lĩnh thị trường, cũng như nền tảng quan hệ hợp tác mật thiết đã có từ lâu, Hữu Liên Á Châu đã chính thức ký kết hợp đồng hợp tác cùng New Man - Nhà Phân Phối Chính tại Myanmar, mở ra một trang mới cho nỗ lực xây dựng mạng lưới phân phối mang tính chiến lược tại thị trường này.

3 Chủ động theo sát vụ kiện, nộp Đơn xin hưởng thuế suất riêng rẽ

Hữu Liên Á Châu nhận được thông báo yêu cầu trả lời Bản câu hỏi Q&V về giá trị & sản lượng xuất khẩu của Bộ Thương Mại Mỹ vào ngày 19/11/2011 để xác định bị đơn chính của Vụ kiện chống bán phá giá và Chống trợ cấp của Hoa Kỳ đối với ngành thép Việt Nam. Sản lượng xuất khẩu sang Mỹ chiếm tỷ trọng 0.1% trên tổng sản lượng xuất khẩu của Công ty vì vậy dự kiến Hữu Liên Á Châu sẽ không nằm trong danh sách bị đơn bắt buộc.

Tuy nhiên, Hữu Liên Á Châu vẫn chủ động đăng ký tham gia bị đơn tự nguyện, chủ động nộp Đơn xin hưởng thuế suất riêng rẽ, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Việt Nam và giải trình kịp thời các vấn đề cần thiết cho Bộ thương mại Mỹ. Được biết, khi tham gia vụ kiện với vai trò bị đơn tự nguyện một cách nghiêm túc, HLAC sẽ được hưởng thuế suất riêng rẽ thấp hơn rất nhiều so với các đơn vị không tham gia, đây sẽ là một lợi thế cạnh tranh về lâu dài khi HLAC xác định Mỹ là thị trường tiềm năng trong chiến lược kinh doanh của mình.

TẬP TRUNG NỀN TẢNG THÉP

Nền tảng luôn đóng vai trò quyết định thành công và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay. Nét đặc trưng của Hữu Liên Á Châu chính là đội ngũ nhân sự đầy nhiệt huyết, trung thành và cống hiến hết sức lực và tài năng của mình cho sự phát triển thương hiệu của Công ty trong suốt hơn 34 năm lịch sử. Và cũng chính nét văn hóa này đã giúp Công ty ổn định trong thời gian hiện tại trước sự biến động của môi trường kinh doanh và tạo nền tảng vững chắc cho Hữu Liên Á Châu phát triển hướng đến mục tiêu trở thành tập đoàn hàng đầu ngành thép trong tương lai.

Ý thức được điều đó, Hữu Liên Á Châu luôn chú trọng xây dựng đội ngũ & văn hóa doanh nghiệp, giữ vững giá trị thương hiệu mình đã có, đồng thời bổ sung các yếu tố tích cực để phát huy giá trị cốt lõi cũng như thế mạnh của mình.

NHỮNG CỘT MỐC QUAN TRỌNG

Năm 2008, *Hữu Liên Á Châu được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE).*

2011 *Hoàn thành giai đoạn 1 "Tái cấu trúc lại hoạt động doanh nghiệp"*

- Hoàn thành xây dựng giai đoạn 1 của nhà máy ống Thép Hữu Liên tại Long An
- Hoàn tất quy hoạch chi tiết 1/500 Khu phức hợp Dân cư, Thương mại Hữu Liên Á Châu tại quận Bình Tân

2010

- Thành lập Công ty TNHH Một thành viên Thép Hữu Liên, chuyên sản xuất và kinh doanh ống thép (cả ống thép dân dụng lẫn công nghiệp)
- Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu tăng vốn điều lệ lên 328 tỷ đồng

2009

- Công ty Hữu Liên Á Châu được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) và nhận giải Sao Vàng Đất Việt
- Mở rộng sản phẩm: đưa ra thị trường sản phẩm ống thép mạ kẽm
- **Thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Liên** chuyên hoạt động trong lĩnh vực bất động sản và đầu tư tài chính

2008

- Mở rộng hoạt động kinh doanh
- **Thành lập Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên**, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nội thất và sản phẩm ứng dụng từ ống thép

2007

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu **2001**

Xây dựng và đưa vào hoạt động dự án sản xuất ống thép tại làng Tân Kiên, Quận Bình Chánh, TP. HCM **1995 - 1996**

Chính thức đổi tên Doanh nghiệp Tư nhân Hữu Liên **1990 - 1992**

Thành lập Xí nghiệp Tư nhân Hữu Liên **1988**

Xí nghiệp Tư doanh Hữu Liên **1980 -1986**

Hữu Liên khởi đầu là một xưởng nhỏ chuyên sản xuất nan hoa xe đạp **1978**

Sự phát triển được tạo ra bằng cách luôn luôn hướng về phía trước, vượt qua những trở ngại bằng tầm nhìn dài hạn, chiến lược đúng và quyết tâm cao của tổ chức.

SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ

Là công ty sản xuất ống thép lớn nhất Việt Nam hiện nay, Hữu Liên Á Châu cung cấp cho thị trường các mặt hàng đa dạng như: ống thép dân dụng, ống thép kết cấu, ống thép công nghiệp, ống inox, xà gồ, thép tấm, thép lá, ống thép mạ điện, thép mạ màu...

Với lợi thế là một thương hiệu hàng đầu trên thị trường ống thép tại Việt Nam, Hữu Liên Á Châu luôn cam kết đảm bảo nguồn cung ứng liên tục và đầy đủ, đáp ứng tốt nhất tất cả các nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước với đội ngũ nhân viên chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp và tận tâm.

Ống thép tròn

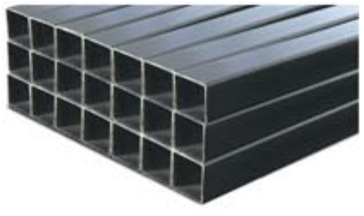

Ống thép vuông

Ống inox tròn

Ống inox vuông

Xà gồ

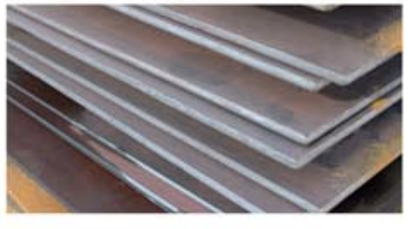

Thép tấm

Thép lá

Thép cuộn

Thép băng

QUY TRÌNH SẢN XUẤT

Để đảm bảo cung ứng cho khách hàng những sản phẩm đa dạng, chất lượng vượt trội và đúng quy chuẩn; dây chuyền sản xuất tại Hữu Liên Á Châu được trang bị công nghệ hiện đại của Đài Loan và Hàn Quốc. Ngoài ra, quy trình sản xuất của Hữu Liên Á Châu luôn luôn tuân thủ nghiêm ngặt quy định về đảm bảo chất lượng của hệ thống quản lý chất lượng ISO.

CHẤT LƯỢNG VƯỢT TRỘI

"MỖI SẢN PHẨM LÀ MỘT LỜI CAM KẾT VỀ CHẤT LƯỢNG"

Thông qua hệ thống quản lý chất lượng ISO, dây chuyền công nghệ hiện đại và đội ngũ công nhân có tay nghề cao, Hữu Liên Á Châu cam kết mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng tốt nhất, đúng chuẩn và đạt các tiêu chuẩn theo quy định của Việt Nam và Quốc tế.

QUY TRÌNH SẢN XUẤT ỐNG THÉP

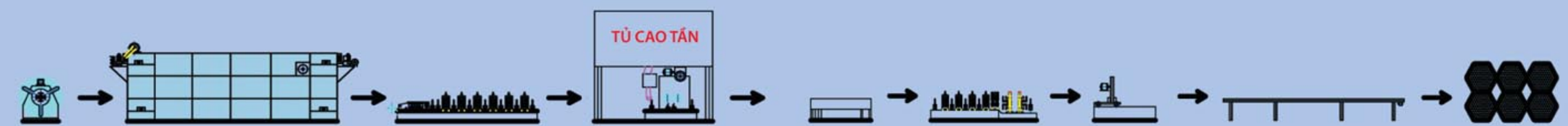

NGUỒN NHÂN LỰC

Hữu Liên Á Châu luôn chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức cho người lao động vì chúng ta ý thức được rằng nguồn nhân lực là vô cùng quý giá, quyết định sự thành công và phát triển của Công ty.

SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Số lượng lao động

Tính đến ngày 30/09/2011, số lượng người lao động trong Công ty là 804 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo giới tính, trình độ chuyên môn như sau:

Phân theo giới tính	Số lượng người tại thời điểm				
	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2010	30/09/2011
Nam	406	442	577	657	710
Nữ	64	67	72	85	94
Phân theo trình độ chuyên môn	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2010	30/09/2011
Đại học và trên Đạo học	30	28	28	37	50
Sơ cấp nghề, Trung cấp, Cao đẳng	77	57	74	252	320
Lao động phổ thông	363	424	547	453	434

Mức lương bình quân/tháng của người lao động lần lượt:

- **Năm 2010:** 4.500.000,00 đồng
- **Năm 2011 :** 6.100.000,00 đồng

2. Chính sách với người lao động

Chính sách lương và phụ cấp:

Công ty xây dựng chính sách tiền lương đồng bộ thống nhất, tiền lương được trả đúng căn cứ trên mức độ lao động và tính chất công việc, mức đóng góp của người lao động. Chính sách tiền lương của Công ty như sau:

- Lương tháng của cán bộ nhân viên được trả căn cứ theo bảng lương của Công ty và các chế độ khác theo qui định của Luật Lao động.
- Cán bộ nhân viên có thể được điều động làm thêm giờ. Cách tính lương thêm giờ và tổng giờ làm thêm trong tháng được thực hiện đúng theo Luật Lao động Việt Nam.
- Chế độ nâng bậc lương: Công ty xét duyệt, điều chỉnh lương và tiền công được tiến hành vào tháng 7 hàng năm dựa trên các yếu tố và điều kiện xét duyệt nâng lương. Ngoài ra, Công ty có chế độ phụ cấp: phụ cấp chức vụ; phụ cấp độc hại đối với công nhân làm ở bộ phận sản xuất có tính độc hại; trợ cấp tiền cơm...

Bảo hiểm và phúc lợi:

- Công ty đảm bảo đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác của nhân viên theo luật định.

Chính sách khen thưởng:

- Thưởng: Công ty có chính sách thưởng để khuyến khích người lao động hăng hái tham gia sản xuất, cải tiến kỹ thuật mang lại lợi nhuận, đóng góp vào sự phát triển của Công ty. Các hình thức thưởng của Công ty bao gồm: lương tháng 13, thưởng vượt mức sản lượng, thưởng cải tiến kỹ thuật...

Chính sách đào tạo:

- Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức cho người lao động vì công ty luôn ý thức được rằng nguồn nhân lực là vô cùng quý giá, quyết định sự thành công và phát triển của Công ty.
- Đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên có thể được tiến hành theo các hình thức sau: Đào tạo nội bộ; Mời chuyên gia bên ngoài đến đào tạo tại Công ty hoặc gửi nhân viên Công ty dự học các khoá đào tạo tại bên ngoài.
- Thường xuyên mở các lớp về an toàn lao động, tay nghề, các cán bộ kỹ thuật, quản lý điều hành được cử tham gia các buổi hội thảo, học tập nhằm nắm bắt, triển khai và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ mới.

Chế độ nghỉ phép, lễ, tết:

- Công ty thực hiện theo luật định.

Tổ chức công đoàn:

- Công đoàn Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Công đoàn và các luật liên quan khác.

Chính sách nhân sự:

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện
- Chú trọng đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ hiện tại.
- Thu hút nhân tài
- Chính sách thu nhập cạnh tranh
- Khen thưởng công bằng.

Phúc lợi:

- Không chỉ là lương
- Không chỉ là nghề nghiệp
- Còn có cơ hội học tập, đào tạo;
- Và phúc lợi cho chính gia đình người lao động.

▶ TÍN DANH NGÀNH THÉP

Trong suốt 34 năm hình thành và phát triển,

Thương hiệu Hữu Liên Á Châu

đã được khách hàng tín nhiệm cao tại thị trường Việt Nam. Điều này thể hiện qua các giải thưởng và danh hiệu cao quý mà Công ty được trao tặng...

Sao Vàng Đất Việt 2008, 2009 và 2010

1 trong 500 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam 2011

Cúp vàng Thương hiệu - Vietbuild 2011

ĐỐI TÁC TIN CẬY

Hữu Liên Á Châu luôn tôn trọng triết lý ***"Khách hàng là bằng hữu"***. Đây cũng chính là cam kết lâu dài của Công ty trong mối quan hệ gắn bó mật thiết với các nhà cung cấp, quý khách hàng trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và đôi bên cùng có lợi.

Và cũng chính tình ***"bằng hữu"*** này mà các đối tác của Hữu Liên Á Châu như Cofico, Thép Đông Á, Goonam Vina, Lưu Nguyễn... đã giúp đưa sản phẩm ống thép Hữu Liên vào sử dụng rộng rãi trong các công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng, khách sạn, văn phòng và cao ốc nổi tiếng tại Việt Nam như Kumho Asiana Saigon (Khách sạn Intercontinental), Saigon Pearl, sân bay Cần Thơ, tòa nhà Vincom...

KIỆN TOÀN HỆ THỐNG QUẢN TRỊ

Đúng đắn trong định hướng kinh doanh, luôn cẩn trọng trong những quyết định đầu tư và tính toán chi tiết cho các kế hoạch phát triển; Nhằm bảo đảm lựa chọn những biện pháp tốt nhất để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch của cả năm tài chính, huy động mọi nguồn lực nội bộ của Công ty, phát huy tối đa sáng kiến của từng phòng ban cũng như của từng nhân viên trong Công ty, đã giúp Hữu Liên Á Châu có được thành tựu khả quan trong việc vận hành hiệu quả guồng máy Hữu Liên Á Châu hơn 34 năm qua.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

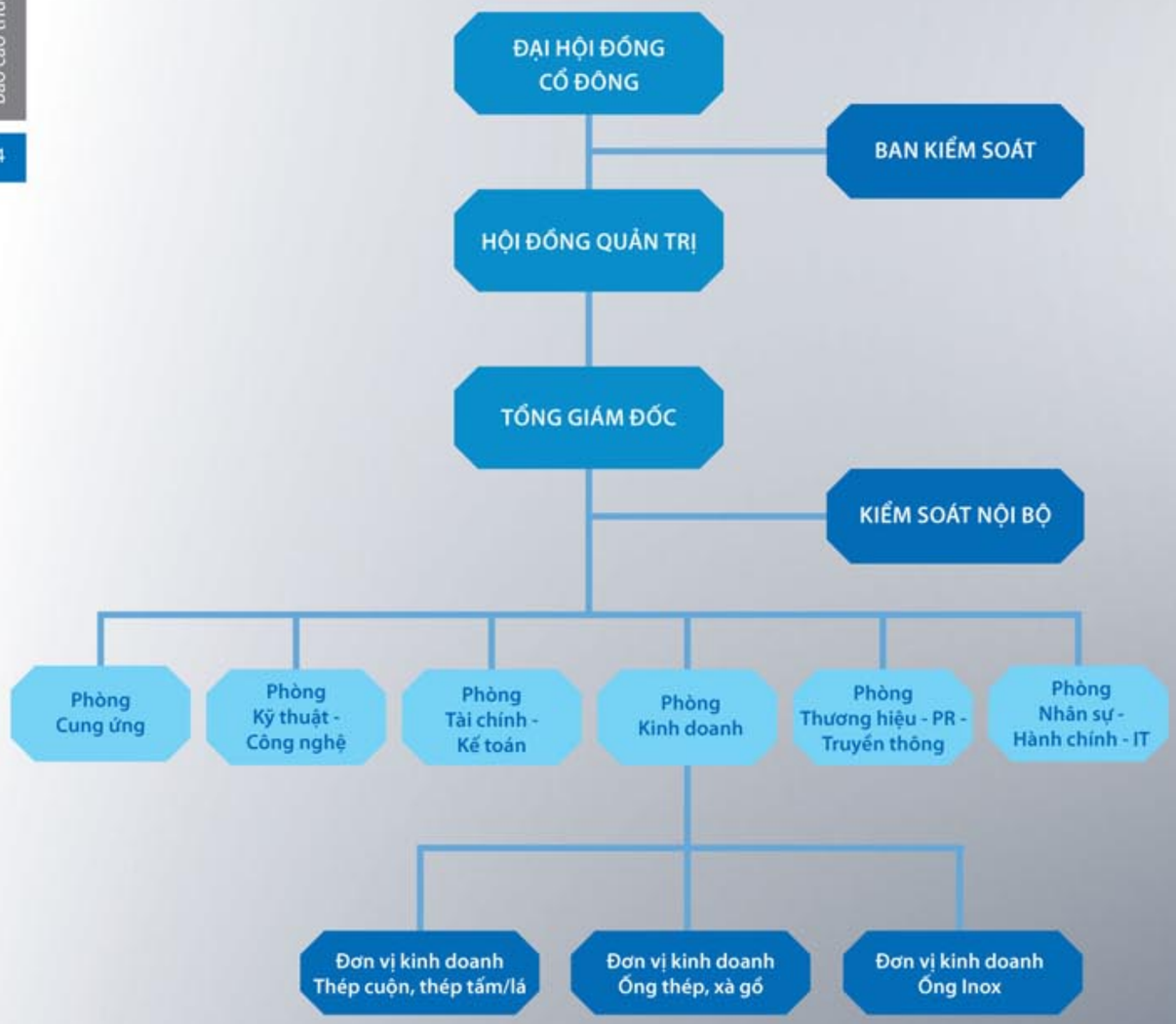
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BAN KIỂM SOÁT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC
KIỂM SOÁT NỘI BỘ
Phòng Cung ứng
Phòng Kỹ thuật - Công nghệ
Phòng Tài chính - Kế toán
Phòng Kinh doanh
Phòng Thương hiệu - PR - Truyền thông
Phòng Nhân sự - Hành chính - IT
Đơn vị kinh doanh Thép cuộn, thép tấm/lá
Đơn vị kinh doanh Ống thép, xà gồ
Đơn vị kinh doanh Ống Inox

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của Hữu Liên Á Châu hiện nay có 5 thành viên và có nhiệm kỳ là 5 năm bao gồm 1 Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch và 3 thành viên.

Hàng trước từ trái qua phải

TRẦN TUẤN NGHIỆP
Phó Chủ tịch

TRẦN XẢO CƠ
Chủ tịch

Hàng sau từ trái qua phải

ĐOÀN MINH TIẾN
Thành viên

BÙI QUANG HIỆP
Thành viên

PHAN VĂN DŨNG
Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc của Hữu Liên Á Châu hiện nay có 4 thành viên, bao gồm Tổng giám đốc và 3 Giám đốc bộ phận.

ÔNG TRẦN TUẤN NGHIỆP
Tổng giám đốc

ÔNG BÙI QUANG HIỆP
Giám đốc Điều hành

ÔNG TRẦN TUẤN MINH
Giám đốc Kỹ thuật

ÔNG PHẠM TRẦN ÁI TRUNG
Giám đốc Tài chính

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát có 3 thành viên, bao gồm Trưởng Ban Kiểm soát và 2 thành viên.

ÔNG KHƯU KIM HÒA
Trưởng Ban Kiểm soát

ÔNG LÊ ANH HẢI
Thành viên Ban Kiểm soát

BÀ NGUYỄN THỊ HOÀNG VÂN
Thành viên Ban Kiểm soát

CÁC BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2012

Trước tình hình khó khăn của nền kinh tế Việt Nam và để thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2012, ban Tổng giám đốc đã đề ra những biện pháp sau:

- Ban Tổng giám đốc Công ty cần phối hợp chặt chẽ với các phòng kiểm toán nội bộ, phòng tài chính kế toán để thực hiện quản trị rủi ro.
- Định hướng quản trị rủi ro của Công ty tập trung vào kiểm soát các rủi ro về qui trình hoạt động, rủi ro về tài chính, rủi ro về thị trường nhằm đảm bảo Công ty được kiểm soát chặt chẽ về tài chính, kế toán, đạt được các mục tiêu trong kinh doanh, đạt hiệu quả và hiệu suất hoạt động; đảm bảo độ tin cậy của báo cáo tài chính, tính tuân thủ pháp luật và các qui định nội bộ
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Hữu Liên Á Châu có thể chịu ảnh hưởng bởi các biến động về tỷ giá, về lãi suất tín dụng, về giá của nguyên liệu đầu vào, khả năng thanh toán của các khách hàng.

Nhằm giảm thiểu tác động của những ảnh hưởng trên, Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc của Công ty cần chú trọng thực hiện tốt công tác xây dựng các kịch bản để ứng phó kịp thời với sự biến động của thị trường nếu có và đồng thời củng cố nội lực tài chính, xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng, nhà cung cấp và các tổ chức tín dụng của Công ty.

KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ NỘI BỘ TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2012

Nhằm khắc phục những vấn đề khó khăn mà Công ty CP Hữu Liên Á Châu đã gặp phải trong các năm qua, Ban lãnh đạo Công ty cần tiến hành xây dựng các mục tiêu, các kế hoạch hành động quản trị nội bộ trong năm tài chính 2012, cụ thể:

1. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty
   - Chú trọng kiểm soát và công tác cơ cấu tuổi nợ, thu hồi công nợ nhanh chóng, đúng hạn để giảm áp lực tài chính của Công ty.
   - Quản lý hiệu quả chi phí tài chính nhằm giảm chi phí lãi vay, tái cơ cấu nguồn vốn.
   - Quản lý hiệu quả chi phí hoạt động bằng cách tiết kiệm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí phân phối và tiết kiệm chi phí nhân sự và hành chính.
   - Quản lý tốt hoạt động mua hàng của Công ty bằng cách tìm nguồn cung cấp nguyên liệu và hàng hóa giá thấp và chất lượng tốt.
   - Mở rộng thị phần xuất khẩu sang các nước Campuchia, Myanmar và các nước khác.
2. Nâng cao hệ thống quản lý và nhân sự Công ty:
   - Tiếp tục vận hành các chính sách, quy định, quy trình hoạt động của các bộ phận nhân sự, kinh doanh và tài chính.
   - Đào tạo bồi dưỡng kiến thức và nâng tầm đội ngũ nhân sự quản lý hiện tại.

CÁC MỤC TIÊU CỦA GIAI ĐOẠN 2013-2017

Theo nhận định của Hiệp hội thép Việt Nam (VSA), nếu các chính sách điều chỉnh kinh tế vĩ mô tạo điều kiện kích cầu đầu tư và xây dựng phát huy tác dụng, ngành thép sẽ tăng trưởng từ 2% đến 5% cho những năm tiếp theo.

Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam vẫn xác định định hướng phát triển của ngành thép Việt Nam căn cứ vào quyết định số: 145/2007/QĐ_TTg qui hoạch - ngành thép giai đoạn 2007-2015, có xem xét tới năm 2025 với mục tiêu và sản lượng cụ thể như sau:

	2010	2015	2025
Nhu cầu Thép (Triệu tấn)	12	16	25

(Trong đó ngành ống thép chiếm khoảng 8%, ngành thép cuộn, tấm cán nóng, cán nguội chiếm khoảng 44%)

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ CHIẾN LƯỢC KINH DOANH CỦA HLAC ĐẾN NĂM 2017:

Căn cứ vào những nhận định về tình hình kinh tế, Hội đồng quản trị đã đề ra phương hướng và kế hoạch phát triển HLAC cho 5 năm tới (từ năm 2012 đến năm 2017), cụ thể:

1. Định hướng kinh doanh:
   - Hữu Liên Á Châu nằm trong nhóm 10 thương hiệu hàng đầu của ngành thép Việt Nam.
   - Gia tăng sản lượng sản xuất nhằm đưa Hữu Liên Á Châu là thương hiệu dẫn đầu trong phân khúc ống thép.
   - Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực của Công ty nhằm mở rộng kinh doanh trong phân khúc thị trường ống thép.
   - Mở rộng thị phần xuất khẩu sang các nước khu vực Đông Nam Á (Lào, Myanmar, Campuchia,...) và các nước thuộc khu vực khác;
   - Phát triển các dòng sản phẩm ống thép mạ kẽm và ống thép áp lực.
2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh đến năm 2017:

Căn cứ vào những nhận định về tình hình kinh tế, Hội đồng quản trị đã đề ra kế hoạch kinh doanh của Công ty đến năm 2017, cụ thể:

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2016	NĂM 2017
Doanh thu thuần	3.520,00	3.850,00	4.240,00	4.660,00	5.120,00
Lợi nhuận sau thuế	105,00	115,00	125,00	140,00	155,00
Chia cổ tức	15%	15%	15%	15%	15%

DUY TRÌ ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT KINHDOANH

Hữu Liên Á Châu đã lựa chọn việc "Tái cấu trúc hoạt động Doanh nghiệp" trong năm 2011 làm tiền đề hoàn thành tốt các mục tiêu đặt ra trên con đường phát triển vững bền trong tương lai.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2011 (THỰC HIỆN THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2011)

Năm 2011 là một năm vô cùng khó khăn của ngành Thép nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung. Lạm phát trong năm 2011 ở mức cao, lãi suất cho vay của các ngân hàng liên tục tăng nhanh do ảnh hưởng chính sách kinh tế vĩ mô.

Đối diện với những khó khăn trên, Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc liên tục chỉ đạo kịp thời và định hướng đúng đắn nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, nổ lực để vững cam kết kinh doanh ***"Khách hàng là bằng hữu – Sản phẩm là cam kết"***. Kết quả kinh doanh năm tài chính 2011 (niên độ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011) như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2011	THỰC HIỆN NĂM 2011	TH 2011/ KH 2011
1.	Doanh thu thuần	2.400,00	3.269,55	136%
2.	Lợi nhuận trước thuế	70,50	14,85	21%
3.	Nộp ngân sách Nhà nước	18,00	11,97	67%
4.	Lợi nhuận sau thuế	52,50	2,88	6%
5.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận			
	Chi cổ tức bằng tiền	*26,24 (# 11,25%)*	-	
	Bù đắp cổ tức đã chi vượt các năm	11,10	-	
	Trích 4% LNST lập Quỹ khen thưởng:	1,05	-	
	Trích 4% LNST lập Quỹ phúc lợi:	1,05	-	
	Trích 1% LNST thưởng cho HĐQT và BKS nếu đạt hay vượt LNST kế hoạch năm 2011	0,49	-	
6.	Thu nhập bình quân người / tháng	4,5 triệu	6,1 triệu	

Căn cứ vào nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, Hội đồng quản trị xin báo cáo việc triển khai và thực hiện các nghị quyết của Đại hội như sau:

1. Đã thực hiện tốt công tác "Tái cấu trúc lại hoạt động Doanh nghiệp";
2. Tạm ngừng đầu tư Giai đoạn 2 xây dựng nhà máy Thép Hữu Liên tại KCN Phú An Thạnh, tỉnh Long An.
3. Về việc triển khai kế hoạch xây dựng khu phức hợp Hữu Liên Á Châu:
   - Đã tạm ngừng công tác di dời nhà máy tại khu dân cư quận Bình Tân xuống KCN Phú An Thạnh, tỉnh Long An.
   - Đã hoàn thành công tác thiết kế chi tiết khu phức hợp Hữu Liên Á Châu.
   - Do thị trường bất động sản đóng băng, nên công tác mời chào các Nhà đầu tư cho khu phức hợp gặp khó khăn. Hiện nay, Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc vẫn đang mời chào các Nhà đầu tư có tiềm lực tốt.
4. Thị trường tiền tệ của Việt Nam trong năm 2011 gặp nhiều khó khăn, lãi huy động trái phiếu ở mức cao nên Công ty vẫn chưa đạt được kết quả huy động bổ sung 300 tỷ đồng vào nguồn vốn lưu động.
5. Đã hoàn tất việc thay đổi niên độ kế toán kể từ năm tài chính 2011 và đã được các Cơ quan quản lý của Nhà nước chấp thuận.

B. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2012

(Niên độ kế toán từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/09/2012):

Năm 2012 được dự báo sẽ tiếp tục là một năm đầy khó khăn của nền kinh tế Việt Nam. Chính phủ Việt Nam vẫn đặt mục tiêu hàng đầu là ổn định vĩ mô, kiềm chế lạm phát. Với những khó khăn trên sẽ ảnh hưởng bất lợi trực tiếp cho ngành Thép.

Các nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Các yếu tố đầu vào của giá thành đều tăng: giá nguyên liệu thép, giá điện, giá nước, giá xăng dầu, chi phí tiền lương… làm ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản xuất của Công ty.
- Các yếu tố khác như: tỷ lệ lạm phát cao, nhập siêu, bất ổn tỷ giá ngoại tệ cũng là yếu tố làm hạn chế sức tiêu thụ của thị trường.
- Bên cạnh đó, nhân tố hỗ trợ tích cực lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm của Doanh nghiệp là: các ngành sản xuất sản phẩm thép xuất khẩu phục hồi.

Trên cơ sở nhận định và đánh giá tình hình trên, Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc đã xem xét các yếu tố vĩ mô và thận trọng để ra phương hướng và nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính 2012 (niên độ kế toán từ ngày 01/10/2011 đến 30/09/2012) như sau:

1. Tiếp tục thực hiện công tác công tác "Tái cấu trúc lại hoạt động Doanh nghiệp" trong năm tài chính 2012. Tập Trung hoàn thiện "Hệ thống quản lý" để công tác quản trị doanh nghiệp của Hữu Liên Á Châu đi vào hướng chuyên nghiệp theo thông lệ quản trị tốt trên Thế giới.
2. Tạm ngừng công tác di dời nhà máy tại khu dân cư Quận Bình Tân xuống KCN Phú An Thạnh và dời sang năm 2013.
3. Tiếp tục công tác mời chào các Nhà đầu tư có tiềm lực tốt cho khu phức hợp Hữu Liên Á Châu.
4. Duy trì kế hoạch bổ sung khoảng 300 tỷ đồng vào nguồn vốn lưu động năm 2012 của Công ty thông qua hình thức huy động vốn phù hợp như phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu. Kế hoạch sử dụng số tiền từ đợt huy động như sau:
   - Bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên.
   - Bổ sung vốn lưu động để khắc phục tình trạng mất cân đối nguồn vốn hoạt động của Công ty Hữu Liên Á Châu nhằm giảm bớt chi phí hoạt động tài chính.
5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2012 (từ ngày 01/10/2011 đến 30/09/2012):

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2012
1.	Doanh thu thuần	3.200,00
2.	Lợi nhuận trước thuế	46,00
3.	Nộp ngân sách nhà nước	11,50
4.	Lợi nhuận sau thuế	34,50
5.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận:	
5.1	*- Chi cổ tức bằng tiền (# 9%):*	31,02
5.2	*- Trích các quỹ:*	
	+ Trích 4% LNST lập Quỹ khen thưởng:	1,38
	+ Trích 4% LNST lập Quỹ phúc lợi:	1,38
	+ Phần còn lại bổ sung quỹ dự phòng tài chính	0,72

C. BÁO CÁO TỔNG KẾT NHIỆM KỲ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP HỮU LIÊN Á CHÂU (NHIỆM KỲ 2007 – 2011):

Hội đồng quản trị Công ty CP Hữu Liên Á Châu được đại hội đồng cổ đông thành lập và bầu ra với nhiệm kỳ 5 năm (từ năm 2007 đến 2011), gồm những thành viên:

1. Ông Trần Xảo Cơ – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Trần Tuấn Nghiệp – Phó chủ tịch HĐQT
3. Ông Phan Văn Dũng – Ủy viên
4. Ông Bùi Quang Hiệp – Ủy viên
5. Ông Đoàn Minh Tiến – Ủy viên

Theo quy định của điều lệ Công ty CP Hữu Liên Á Châu, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động quản trị trong nhiệm kỳ 2007 – 2011 như sau:

I. Vốn điều lệ và cổ đông:

Để củng cố sức mạnh tài chính, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường ngành Thép, Hội đồng quản trị đã đề ra lộ trình tăng vốn điều lệ và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Với số vốn điều lệ từ năm 2007 là 183 tỷ đồng và đến nay là 344,5 tỷ đồng.

Thông qua kiểm tra, giám sát, kiểm toán định kỳ, vốn của cổ đông được sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.

II. Kết quả đạt được từ chiến lược kinh doanh:

Hội đồng quản trị đã định hướng chiến lược kinh doanh ngắn và trung hạn; và đã phổ biến chiến lược đến ban Tổng giám đốc và các cán bộ chủ chốt của Công ty để thực hiện triển khai. Đồng thời, Hội đồng quản trị thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách đã đề ra.

1. Một số kết quả tiêu biểu đạt được trong các năm qua như sau:
   - Cổ phiếu HLAC đã chính thức giao dịch HOSE vào 30/10/2008
   - Đã triển khai xây dựng giai đoạn 1 nhà máy thép Hữu Liên tại KCN Phú An Thạnh Long An.
   - Đã hoàn thành công tác thiết kế chi tiết khu phức hợp Hữu Liên Á Châu.

- Kết quả kinh doanh của Công ty trong những năm qua:

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2007	NĂM 2008	NĂM 2009	NĂM 2010	NĂM 2011
Doanh thu thuần	1.031,97	1.842,64	2.55,41	2.900,16	3.008,51
Lợi nhuận trước thuế	49,21	(17,93)	94,60	23,77	14,85
Nộp ngân sách Nhà nước	15,34	1,42	27,34	8,63	11,97
Lợi nhuận sau thuế	33,87	(19,35)	67,26	15,14	2,88

2. Các công việc dỡ dang chuyển sang nhiệm kỳ sau:

- Tiếp tục triển khai giai đoạn 2 xây dựng tại nhà máy thép Hữu Liên tại KCN Phú An Thạnh tỉnh Long An;
- Tiếp tục triển khai công tác "Tái cấu trúc lại hoạt động Doanh nghiệp";
- Tiếp tục triển khai dự án khu phức hợp Hữu Liên Á Châu.

II. Định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh của HLAC đến năm 2017:

Căn cứ vào những nhận định về tình hình kinh tế, Hội đồng quản trị đã đề ra phương hướng và kế hoạch phát triển HLAC cho 5 năm tới (từ năm 2012 đến 2017), cụ thể:

1. Định hướng kinh doanh:

- Hữu Liên Á Châu nằm trong nhóm 10 thương hiệu hàng đầu của ngành thép Việt Nam.
- Gia tăng sản lượng sản xuất nhằm đưa Hữu Liên Á Châu là thương hiệu dẫn đầu trong phân khúc ống thép.
- Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực của Công ty nhằm mở rộng kinh doanh trong phân khúc thị trường ống thép.
- Mở rộng thị phần xuất khẩu sang các nước khu vực Đông Nam Á (Lào, Myanmar, Campuchia,...) và các nước thuộc khu vực khác;
- Phát triển các dòng sản phẩm ống thép mạ kẽm và ống thép áp lực.

2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh đến năm 2017:

Căn cứ vào những nhận định về tình hình kinh tế, Hội đồng quản trị đã đề ra kế hoạch kinh doanh của Công ty đến năm 2017, cụ thể:

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2016	NĂM 2017
Doanh thu thuần	3.520,00	3.850,00	4.240,00	4.660,00	5.120,00
Lợi nhuận sau thuế	105,00	115,00	125,00	140,00	155,00
Chia cổ tức	15%	15%	15%	15%	15%

IV. Nhận xét chung:

Trong nhiệm kỳ từ năm 2007 đến 2011, Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm giao phó, có được kết quả này trước tiên nhờ vào sự nỗ lực nhiệt huyết và trí tuệ của từng thành viên Hội đồng quản trị, cùng với sự nỗ lực không ngừng của ban Tổng giám đốc, toàn thể các anh/ chị/ em nhân viên trong Công ty.

Hội đồng quản trị trân trọng cám ơn ban Tổng giám đốc, các anh/ chị/ em nhân viên trong Công ty, các cổ đông về những cống hiến và đóng góp cho HLAC nhằm ổn định và phát triển bền vững trong thời gian qua.

Trên đây là nội dung báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty CP Hữu Liên Á Châu trong năm tài chính 2011 và Phương hướng nhiệm vụ trong năm tài chính 2012 cũng như Định hướng phát triển kế hoạch kinh doanh đến năm 2017.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

A. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2011 (NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN TỪ 01/01/2011 ĐẾN 30/09/2011)

I. Kết quả hoạt động năm tài chính 2011 (Niên độ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011):

Năm 2011 là một năm đầy khó khăn của nền kinh tế Thế Giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng, tình hình lạm phát ở mức cao ngoài dự đoán của các chuyên gia kinh tế. Chính phủ Việt Nam đã tập trung triển khai quyết liệt các biện pháp kiềm chế lạm phát và ổn định vĩ mô dẫn đến môi trường kinh doanh đầy thử thách.

Trước những khó khăn trên, ban Tổng giám đốc đã đưa ra những chỉ đạo ĐIỀU HÀNH kịp thời nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể kết quả thực hiện năm tài chính 2011 (niên độ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011) như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2011	THỰC HIỆN NĂM 2011	TH 2011 / KH 2011
1	Doanh thu thuần	2.400,00	3.269,55	136%
2	Lợi nhuận trước thuế	70,50	14,85	21%
3	Nộp ngân sách Nhà nước	18,00	11,97	67%
4	Lợi nhuận sau thuế	52,50	2,88	6%

II. Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm tài chính 2011 (Niên độ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011):

Trong năm tài chính 2011 vừa qua, ban Tổng giám đốc đã nỗ lực điều hành linh hoạt và triển khai các giải pháp tối ưu hóa nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát và tiết giảm chi phí, phát triển nguồn nhân lực, cụ thể:

- Xây dựng chiến lược kinh doanh trung và dài hạn cho từng nhóm sản phẩm thép;
- Đào tạo nâng cao năng lực các vị trí quản lý cấp trung.
- Tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ cho các CBCNV trong Công ty;
- Giám sát và đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của từng phòng ban trong Công ty theo định kỳ hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, năm thông qua việc kiểm soát việc thực hiện các mục tiêu ưu tiên, các kế hành động của từng phòng ban và của Công ty;
- Tập trung đẩy mạnh sản xuất những mặt hàng có tỷ lệ lợi nhuận cao;
- Tập trung xây dựng dự báo bán hàng, kế hoạch sản xuất phù hợp, điều chuyển hàng hóa nhằm đảm bảo đủ quy cách, chủng loại nhằm phục vụ cho việc bán hàng;
- Tập trung phát triển xuất khẩu các sản phẩm của Công ty sang thị trường Campuchia, Myanmar;
- Tập trung xây dựng định mức hàng tồn kho hợp lý, chặt chẽ nhằm tối ưu hóa nhu cầu vay ngắn hạn;
- Cơ cấu các khoản vay ngắn hạn giữa VND và USD nhằm tiết giảm chi phí tài chính hợp lý và giảm thiểu rủi ro về biến động tỷ giá USD.

B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2012 (NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2011 ĐẾN NGÀY 30/09/2012):

Năm 2012 được dự báo là năm đầy khó khăn đối với các nền kinh tế trên Thế giới và nền kinh tế Việt Nam. Cụ thể năm 2012 Chính phủ Việt Nam đã cam kết sẽ chỉ đạo quyết liệt nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế thông qua việc Điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt để đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô; Kiểm soát và kiềm chế lạm phát; Kiểm soát thị trường tỷ giá hối đoái giữa VND với ngoại tệ; Giám sát các khoản nợ xấu và có hành động thích hợp để tránh hệ quả không tốt;

Trước những dự báo đầy khó khăn trên, dự kiến GDP trong năm 2012 của nước ta từ 6 – 6,5% và với vai trò là nguồn nguyên liệu chính trong xây dựng, sản xuất thì ngành Thép sẽ tiếp tục đối mặt với những bất lợi, khó khăn từ những tác động bên trong lẫn bên ngoài.

Căn cứ vào năng lực sản xuất và năng lực kinh doanh của Hữu Liên Á Châu, Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc Công ty đã thận trọng xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính 2012 (niên độ kế toán từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/09/2012) như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2012
1.	Doanh thu thuần	3.200,00
2.	Lợi nhuận trước thuế	46,00
3.	Nộp ngân sách nhà nước	11,50
4.	Lợi nhuận sau thuế	34,50
5.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận:	
5.1	*- Chi cổ tức bằng tiền (# 9%):*	31,02
5.2	*- Trích các quỹ:*	
	+ Trích 4% LNST lập Quỹ khen thưởng:	1,38
	+ Trích 4% LNST lập Quỹ phúc lợi:	1,38
	+ Phần còn lại bổ sung quỹ dự phòng tài chính	0,72

Đồng thời, ban Tổng giám đốc Công ty cũng đã đưa ra các giải pháp cần thiết để hoàn thành các mục tiêu đề ra trong năm 2012, cụ thể như sau:

1. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty

- Kiểm soát tốt hệ thống phân phối và cấu trúc các dòng sản phẩm bán để đảm bảo các mặt hàng chủ lực, có Lãi nhiều được tiêu thụ đúng tỷ trọng; từ đó đảm bảo Tỷ suất lợi nhuận chung của Công ty.
- Chú trọng kiểm soát và công tác cơ cấu tuổi nợ, thu hồi công nợ nhanh chóng, đúng hạn để giảm áp lực tài chính của Công ty. Từ đó cải thiện và quản lý hiệu quả chi phí tài chính.
- Tái cơ cấu nguồn vốn nhằm giảm chi phí lãi vay.
- Quản lý hiệu quả chi phí hoạt động bằng cách tiết kiệm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí phân phối và tiết kiệm chi phí nhân sự và hành chính.
- Quản lý tốt hoạt động mua hàng của Công ty bằng cách tìm nguồn cung cấp nguyên liệu và hàng hóa giá thấp và chất lượng tốt.
- Mở rộng thị phần xuất khẩu sang các nước Campuchia, Myanmar và các nước khác trong khu vực ASEAN.

2. Hoàn thiện hệ thống quản lý và nhân sự Công ty:

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và đưa vào vận hành các chính sách, quy định, quy trình hoạt động của các bộ phận nhân sự, kinh doanh, cung ứng và tài chính… Nhằm quản lý công ty hiệu quả hơn, chuyên nghiệp theo thông lệ quản trị tốt của thế giới.
- Tuyển dụng bổ sung, đào tạo và kèm cặp để nâng tầm đội ngũ nhân sự quản lý hiện tại.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều lệ của Công ty CP Hữu Liên Á Châu. Định kỳ, Ban kiểm soát đã tiến hành giám sát quá trình hoạt động của Công ty trong năm qua với các nội dung sau:

- Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc Công ty;
- Kết quả kiểm tra tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2011;
- Kết quả kiểm tra báo cáo tài chính năm 2011;
- Kết quả kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2011;
- Kiến nghị của Ban kiểm soát;
- Kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát trong năm 2012;

A. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY:

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2011 là một năm khó khăn của nền kinh tế Việt Nam, lạm phát cao, lãi suất cho vay của các ngân hàng cao do ảnh hưởng chính sách kinh tế vĩ mô, đồng tiền Việt Nam mất giá mạnh, người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu, tất cả các doanh nghiệp trong nước đều chật vật xoay sở cắt giảm chi phí nhằm ổn định giá thành sản xuất và giá bán để không bị tồn kho.

Trước tình hình trên, Hội đồng quản trị thường xuyên họp định kỳ, đột xuất với mục đích đôn đốc, nắm sát tình hình thực tế và đưa ra những giải pháp, chính sách phù hợp để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2011 đều được Hội đồng quản trị triển khai và thực hiện đầy đủ trong năm. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị đã đưa những định hướng chiến lược dài hạn cho phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn sắp tới.

II. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

Thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc đã có những biện pháp, chính sách kịp thời với tình hình thực tế diễn ra trong năm 2011 nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc thường xuyên chỉ đạo các phòng ban trong Công ty thực hiện tốt các kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2011 do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NĂM 2011

I. Kết quả kinh doanh năm tài chính 2011 (niên độ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011):

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2011	THỰC HIỆN NĂM 2011	TH 2011/ KH 2011
1.	Doanh thu thuần	2.400,00	3.269,55	136%
2.	Lợi nhuận trước thuế	70,50	14,85	21%
3.	Nộp ngân sách Nhà nước	18,00	11,97	67%
4.	Lợi nhuận sau thuế	52,50	2,88	6%
5.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận			
	Chi cổ tức bằng tiền	*26,24 (#11,25%)*	-	
	Bù đắp cổ tức đã chi vượt các năm	11,10	-	
	Trích 4% LNST lập Quỹ khen thưởng:	1,05	-	
	Trích 4% LNST lập Quỹ phúc lợi:	1,05	-	
	Trích 1% LNST thưởng cho HĐQT và BKS nếu đạt hay vượt LNST kế hoạch năm 2011	0,49	-	
6.	Thu nhập bình quân người / tháng	4,5 triệu	6,1 triệu	

II. Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2011:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	30/09/2011	31/12/2010	TĂNG (+)/ GIẢM (-)
A.	**TỔNG TÀI SẢN**	**2.414,11**	**2.182,97**	**231,14**
I.	Tài sản ngắn hạn	1.840,71	1.766,70	74,01
	Trong đó:			
1.	*Phải thu khách hàng*	*978,47*	*723,30*	*255,17*
2.	*Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi*	*(12,54)*	*(4,92)*	*(7,62)*
3.	*Hàng tồn kho*	*723,98*	*851,56*	*(127.58)*
II.	Tài sản dài hạn	573,40	416,27	157,71
B.	**TỔNG NGUỒN VỐN**	**2.414,11**	**2.182,97**	**231,14**
I.	Nợ phải trả	1.939,42	1.729,25	210,17
	Trong đó:			
1.	*Nợ ngắn hạn*	*1.779,69*	*1.619,23*	*160,46*
2.	*Nợ dài hạn*	*159,73*	*110,02*	*49,71*
II.	Nguồn vốn chủ sở hữu	474,69	453,72	20,97
III.	Lợi ích của cổ đông theo thiểu số	-	-	

C. KẾT QUẢ KIỂM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Các khoản chi phí, khoản trích dự phòng và khoản nợ khó đòi được ghi nhận theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Ban kiểm soát đã làm việc với Công ty TNHH kiểm toán DTL, qua đó thống nhất kết quả kiểm toán năm tài chính 2011 và đồng ý với các đánh giá hoạt động tài chính của Công ty đã nêu trong báo cáo kiểm toán 2011. Thông qua kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011:

Đánh giá của Ban kiểm soát như sau:

- Tổng doanh thu thuần đạt 136% kế hoạch năm 2011.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 6% kế hoạch.

Nguyên nhân không đạt Lợi nhuận kế hoạch:

Kế hoạch tài chính năm 2011, được Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc Công ty lập dựa trên những chỉ tiêu của năm 2010 và một số yếu tố liên quan đến công tác dự báo cho năm 2011. Tuy nhiên, thực trạng trong năm 2011 là năm vô cùng khó khăn cho các doanh nghiệp ngành Thép nói chung và Công ty nói riêng, cụ thể:

- Lạm phát tăng cao ngoài dự đoán của các chuyên gia kinh tế Việt Nam;
- Lãi suất cho vay vốn của ngân hàng ở mức rất cao;
- Chi phí điện, nước, vận chuyển và tiền lương đều tăng;
- Vòng quay hàng tồn kho của Công ty thấp;
- Giá bán của các sản phẩm thép trong nước bị ảnh hưởng trực tiếp giá thép Thế giới; Trong Quý II/2011, giá nguyên liệu Thép giảm mạnh nên ban Tổng giám đốc đã chủ động giải phóng hàng tồn kho nhằm tránh áp lực về chi phí tài chính.

Các nhân tố trên làm sút giảm đáng kể đến Lợi nhuận thực tế của Công ty so với kế hoạch năm tài chính 2011, cụ thể:

- Chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo qui định hiện hành:	7 tỷ
- Chi phí lãi vay phát sinh tăng bất thường từ việc các Ngân hàng đồng loạt tăng lãi suất trong năm 2011 (kể từ tháng 03/2011 các ngân hàng đồng loạt tăng lãi suất bình quân trên 22%/năm , có thời điểm lên đến 26%/năm)	44 tỷ
- Chi phí tiền lương tăng theo quy định hiện hành của Nhà nước	4 tỷ
- Chi phí vận chuyển tăng (giá xăng dầu tăng)	9 tỷ
Tổng cộng	**64 tỷ**

D. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT TRONG NĂM 2011:

1. Về việc triển khai công tác "Tái cấu trúc lại hoạt động Doanh nghiệp" đã được Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty thực hiện tốt;
2. Giai đoạn 2 xây dựng nhà máy Thép Hữu Liên tại KCN Phú An Thạnh, tỉnh Long An đã tạm ngừng do tình hình tài chính khó khăn;
3. Trong Quý III/2011 Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên đã tiếp nhận 02 dây chuyền máy sản xuất ống thép kết cấu của Hàn Quốc. Đã lắp đặt và đang vận hành chạy thử 01 dây chuyền máy sản xuất ống kết cấu 4 inch vào đầu Quý I/2012;
4. Về việc triển khai kế hoạch xây dựng khu phức hợp Hữu Liên Á Châu:
   - Đã tạm ngừng công tác di dời nhà máy tại khu dân cư quận Bình Tân xuống KCN Phú An Thạnh, tỉnh Long An.
   - Đã hoàn thành công tác thiết kế chi tiết khu phức hợp Hữu Liên Á Châu.
   - Hiện tại Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc vẫn đang mời chào các Nhà đầu tư có năng lực tốt để hợp tác đầu tư khu phức hợp nêu trên.
5. Về việc huy động bổ sung 300 tỷ đồng vào nguồn vốn lưu động của Công ty thông qua hình hình thức huy động phù hợp không hoàn thành, do thị trường tiền tệ của Việt Nam trong năm 2011 gặp nhiều khó khăn, lãi suất huy động trái phiếu ở mức cao.
6. Việc thay đổi niên độ kế toán kể từ năm tài chính 2011 đã hoàn tất và đã được các Cơ quan quản lý của Nhà nước chấp thuận, cụ thể như sau:
   - Niên độ kế toán năm tài chính 2011: từ ngày 01/01/2011 đến 30/09/2011.
   - Niên độ kế toán từ năm tài chính 2012 trở đi: từ ngày 01/10 năm hiện hành đến ngày 30/09 năm kế tiếp.

E. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Cần duy trì và triển khai tốt công tác "Tái cấu trúc Doanh nghiệp"
2. Cần đẩy mạnh công tác đối chiếu xác nhận công nợ, kiểm tra đôn đốc các bộ phận nghiệp vụ thực hiện tốt công tác để nâng cao khả năng sử dụng vốn.
3. Cần duy trì quản lý tốt việc thực hiện quản lý kho nguyên liệu, vật tư hàng hóa, tổ chức kiểm kê định kỳ.
4. Cần đẩy mạnh phát triển xuất khẩu các sản phẩm của Công ty sang thị trường Campuchia, Myanmar và các nước khác.

F. KẾ HOẠCH LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2012:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt các cổ đông nhằm kiểm soát tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Trong năm tài chính 2012 (niên độ kế toán từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/09/2012), Ban kiểm soát sẽ tiến hành các công việc cụ thể theo kế hoạch sau:

1. Quý IV/2011:

- Xem xét và kiểm tra báo cáo tài chính năm tài chính 2011 (niên độ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011)
- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ trong Công ty đã ban hành.
- Báo cáo đại hội cổ đông thường niên.

2. Quý 1/2012:

- Xem xét và kiểm tra báo cáo tài chính Quý 1 của năm tài chính 2012 (từ ngày 01/10 đến 31/12/2011).
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 1 năm tài chính 2012.
- Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý 1 năm 2012 nhằm đảm bảo các khoản chi phí sử dụng đúng mục đích và kế hoạch đề ra.

3. Quý II/2012:

- Xem xét và soát xét báo cáo tài chính Quý 2 năm tài chính 2012 (từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012)
- Và tổng kết 6 tháng đầu năm 2012 (từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/03/2012).
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 2 năm tài chính 2012.
- Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý 2 năm tài chính 2012.

4. Quý III/2012:

- Xem xét và kiểm tra báo cáo tài chính của Quý 3 năm tài chính 2012 (từ ngày 01/04/2012 đến 30/06/2012).
- Xem xét tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh của Quý 3 năm tài chính 2012.
- Kiểm tra và đánh giá các mức chi phí của Quý 3 năm tài chính 2012.

5. Quý IV/2012:

- Xem xét và kiểm tra báo cáo tài chính của Quý 4 năm tài chính 2012 (từ ngày 01/07/2012 đến 30/09/2012).
- Và tổng kết năm tài chính 2012 (từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/09/2012).
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Quý 4 năm tài chính 2012.
- Kiểm tra và đánh giá các mức chi phí của Quý 4 năm tài chính 2012.

Trên đây là nội dung báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty CP Hữu Liên Á Châu trong năm tài chính 2011 và Phương hướng nhiệm vụ trong năm tài chính 2012 cũng như Định hướng phát triển kế hoạch kinh doanh đến năm 2017.

Trên đây là báo cáo tóm tắt kết quả kiểm soát và thẩm tra báo cáo tài chính năm 2011 tại Công ty CP Hữu Liên Á Châu.

TRONG NĂM 2011

Công ty đã thực hiện công tác "Tái cấu trúc doanh nghiệp" nhằm kiện toàn bộ máy để hoạt động có hiệu quả.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Tổng Giám Đốc

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000385 ngày 20 tháng 04 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 09 năm 2011.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại KE A2/7, Tân Kiên – Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 344.592.930.000 đồng.

Đến thời điểm 30/09/2011 Công ty có đầu tư vào 01 công ty con là Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất sản phẩm cơ khí
- Cán kéo kim loại
- Mua bán máy móc thiết bị phục vụ sản xuất – xây dựng
- Mua bán nguyên liệu, vật liệu xây dựng
- Kinh doanh bất động sản
- Mua bán hạt nhựa phân bón, hàng điện, điện tử gia dụng, bách hóa, hàng trang trí nội thất
- Đại lý ký gửi hàng hóa
- Dịch vụ thương mại

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	*Chức danh*
Ông Trần Xảo Cơ	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Nghiệp	Phó Chủ tịch
Ông Phan Văn Dũng	Thành viên
Ông Bùi Quang Hiệp	Thành viên
Ông Đoàn Minh Tiến	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	*Chức danh*
Ông Trần Tuấn Nghiệp	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Hiệp	Giám đốc điều hành
Ông Trần Tuấn Minh	Giám đốc sản xuất
Ông Phạm Trần Ái Trung	Giám đốc tài chính

3. Tình hình kinh doanh năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011 của Tập đoàn.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30 tháng 09 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN TUẤN NGHIỆP

Báo cáo kiểm toán độc lập

Crowe Horwath
Công ty Kiểm Toán DTL
Thành viên Crowe Horwath International

Lầu 5, Tòa nhà Sai Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (848) 3827 5026
Fax:(848) 3827 5027
www.horwathdtl.com
dtlco@horwathdtl.com.vn

Số: 12.122/BCKTHN-DTL.

KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gởi: Các Cổ đông

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 09 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 15/11/2011 của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 04 đến trang 33 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 09 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2011

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TĂNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN
Chứng chỉ KTV số 0425/KTV

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

ngày 30 tháng 09 năm 2011

VNĐ

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
110	**A.**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.840.705.050.113**	**1.766.703.761.261**
110	***I.***	***Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5.1***	***63.953.165.451***	***94.040.865.807***
111		1. Tiền		63.953.165.451	84.040.865.807
112		2. Các khoản tương đương tiền		-	10.000.000.000
120	***II.***	***Các khoản đầu tư ngắn hạn***		***4.136.800***	***17.415.000***
121		1. Đầu tư ngắn hạn		9.095.000	17.415.000
129		2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn		(4.958.200)	-
130	***III.***	***Các khoản phải thu ngắn hạn***	***5.2***	***1.015.600.657.436***	***756.574.524.690***
131		1. Phải thu khách hàng		978.477.978.914	723.304.802.569
132		2. Trả trước cho người bán		14.855.644.946	34.891.159.000
133		3. Phải thu nội bộ		-	-
134		4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135		5. Các khoản phải thu khác		34.813.260.459	3.301.443.936
139		6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(12.546.226.883)	(4.922.880.815)
140	***IV.***	***Hàng tồn kho***	***5.3***	***723.985.699.520***	***851.562.557.286***
141		1. Hàng tồn kho		725.222.145.212	851.719.929.334
149		2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.236.445.692)	(157.372.048)
150	***V.***	***Tài sản ngắn hạn khác***		***37.161.390.906***	***64.508.398.478***
151		1. Chi phí trả trước ngắn hạn		5.553.166.921	3.408.570.486
152		2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		30.466.484.985	56.340.595.006
154		3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước khác		-	-
158		4. Tài sản ngắn hạn khác		1.141.739.000	4.759.232.986

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

ngày 30 tháng 09 năm 2011

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**573.400.328.256**	**416.266.703.026**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		-	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		-	-
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ		-	-
218	4. Phải thu dài hạn khác		-	-
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	***II. Tài sản cố định***		***504.856.768.868***	***354.722.078.545***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.4	158.328.022.697	99.005.074.323
222	Nguyên giá		276.127.233.268	198.140.021.018
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(117.799.210.571)	(99.134.946.695)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	5.5	67.683.596.749	29.627.883.830
225	Nguyên giá		77.762.739.314	36.916.162.942
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.079.142.565)	(7.288.279.112)
227	3. Tài sản cố định vô hình	5.6	168.373.559.830	171.300.263.676
228	Nguyên giá		178.239.480.536	178.221.305.536
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.865.920.706)	(6.921.041.860)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.7	110.471.589.592	54.788.856.716
240	***III. Bất động sản đầu tư***		-	-
241	+ Nguyên giá		-	-
242	+ Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
250	***IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***		***30.832.069.290***	***32.650.536.979***
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	5.8	30.832.069.290	32.650.536.979
258	3. Đầu tư dài hạn khác		-	-
259	4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn		-	-
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***37.711.490.098***	***28.894.087.502***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	5.9	10.000.726.939	5.042.756.950
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.7	2.365.909.366	1.314.796.363
268	3. Tài sản dài hạn khác	5.10	25.344.853.793	22.536.534.189
269	***VI. Lợi thế thương mại***		-	-
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.414.105.378.369**	**2.182.970.464.287**

Bảng cân đối kiểm toán hợp nhất (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**1.939.420.614.385**	**1.729.248.068.906**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***1.779.688.241.213***	***1.619.232.702.467***
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	5.11	1.291.794.226.104	1.300.583.250.816
312	2. Phải trả người bán	5.12	446.748.707.547	299.027.339.180
313	3. Người mua trả tiền trước	5.12	2.015.108.210	6.996.792.883
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.13	33.185.049.815	4.773.083.008
315	5. Phải trả người lao động		192.212	-
316	6. Chi phí phải trả	5.14	5.133.670.880	3.980.298.883
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.15	811.286.445	3.606.016.856
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	265.920.841
330	***II. Nợ dài hạn***		***159.732.373.172***	***110.015.366.439***
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	5.16	154.255.748.891	104.121.472.856
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc		5.476.624.281	5.893.893.583
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**474.684.763.984**	**453.722.395.381**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	5.17	***474.684.763.984***	***453.722.395.381***
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		344.592.930.000	328.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		140.887.786.000	139.000.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		95.000.000	-
414	4. Cổ phiếu ngân quỹ		(95.000.000)	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(645.139.605)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.351.176.614	1.446.176.614
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận chưa phân phối		(12.147.128.630)	(14.078.641.628)
421	11. Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
422	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
430	***II. Nguồn kinh phí, quỹ khác***		-	-
432	1. Nguồn kinh phí		-	-
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
439	**C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**		-	-
440	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.414.105.378.369**	**2.182.970.464.287**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

ngày 30 tháng 09 năm 2011

VNĐ

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		2.233.214,38	1.296.652,00
+ EUR		219,85	838,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ THANH LOAN	TRẦN TUẤN NGHIỆP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

ngày 30 tháng 09 năm 2011

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	6.1	**3.272.943.048.589**	**2.900.941.354.021**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	6.1	**3.391.786.936**	**785.732.721**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	6.1	**3.269.551.261.653**	**2.900.155.621.300**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	6.2	**3.008.513.819.894**	**2.586.687.034.761**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**261.037.441.759**	**313.468.586.539**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	6.3	**9.331.122.862**	**8.278.774.736**
22	**7. Chi phí tài chính**	6.4	**179.471.406.999**	**218.834.802.418**
23	*trong đó, chi phí lãi vay*		*171.551.647.588*	*118.464.128.314*
24	**8. Chi phí bán hàng**	6.5	**33.077.970.623**	**15.623.179.937**
25	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	6.6	**42.399.335.929**	**64.481.853.548**
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**15.419.851.070**	**22.807.525.372**
31	**11. Thu nhập khác**		**703.953.060**	**3.083.535.773**
32	**12. Chi phí khác**		**1.107.892.337**	**1.873.151.789**
40	**13. Lợi nhuận khác**		**(403.939.277)**	**1.210.383.984**
50	**14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh**		**(164.467.689)**	**(244.802.908)**
60	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**14.851.444.104**	**23.773.106.448**
61	**16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**		**13.022.912.066**	**8.037.308.633**
62	**16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	6.7	**(1.051.113.003)**	**591.817.924**
70	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**2.879.645.041**	**15.143.979.891**
71	**17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số**		-	**278.883.976**
72	**17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ**		2.879.645.041	**14.865.095.915**
80	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ**	5.17	**84**	**461**

TP.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ THANH LOAN	TRẦN TUẤN NGHIỆP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (theo phương pháp gián tiếp)

ngày 30 tháng 09 năm 2011

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế**		14.851.444.104	23.773.106.448
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		24.609.998.259	26.795.994.301
03	Các khoản dự phòng		8.707.377.912	4.236.866.052
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		474.107.162	445.153.025
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.591.678.297)	(1.576.804.490)
06	Chi phí lãi vay		171.551.647.588	118.464.128.314
08	**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**217.602.896.728**	**172.138.443.650**
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(389.233.294.700)	(302.649.393.109)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		126.497.784.122	(263.764.958.818)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		278.989.742.885	108.256.663.074
12	Tăng giảm chi phí trả trước		(7.102.566.424)	11.451.916.161
13	Tiền lãi vay đã trả		(167.268.258.826)	(117.468.393.426)
14	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(10.843.413.406)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.886.879.477	-
16	Tiền chi khác từ hoạt kinh doanh		(6.909.431.616)	(4.024.129.460)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh**		**57.463.751.646**	**(406.903.265.334)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(91.148.636.338)	(160.310.793.894)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		72.727.273	151.878.982
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	5.500.000.000
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(7.320.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	228.624.708
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.375.445.796	4.940.918.175
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(89.700.463.269)**	**(156.809.372.029)**

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		15.576.386.000	200.000.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(95.000.000)	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.242.966.408.401	2.376.408.701.023
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.248.374.259.092)	(1.939.821.504.488)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(7.492.022.747)	(10.072.114.535)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(51.280.000.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		2.581.512.562	575.235.082.000
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)**		(29.655.199.061)	11.522.444.637
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		94.040.865.807	82.925.050.092
61	**Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ**		(432.501.295)	(406.628.922)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)**		63.953.165.451	94.040.865.807

TP.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ THANH LOAN	TRẦN TUẤN NGHIỆP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000385 ngày 20 tháng 04 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 09 năm 2011.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại KE A2/7, Tân Kiên – Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 344.592.930.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn)

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất sản phẩm cơ khí
- Cán kéo kim loại
- Mua bán máy móc thiết bị phục vụ sản xuất – xây dựng
- Mua bán nguyên liệu, vật liệu xây dựng
- Kinh doanh bất động sản
- Mua bán hạt nhựa phân bón, hàng điện, điện tử gia dụng, bách hóa, hàng trang trí nội thất
- Đại lý ký gửi hàng hóa
- Dịch vụ thương mại

1.3 Danh sách các công ty con được hợp nhất

1.3.1 Công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1	Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	Lô B15-B21, Đường tỉnh 830, Khu Công nghiệp Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	100%	100%

1.3.4 Công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1	Công ty Cổ phần Đầu Tư Hữu Liên	R1-49 Khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	50%	50%
2	Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	R1-49 Khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	30,68%	30,68%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến ngày 31/12. Bắt đầu từ năm 2011, năm tài chính đầu tiên Tập đoàn thay đổi từ ngày 01/01 đến ngày 30/09. Các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/10 năm nay đến ngày 30/09 năm sau.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Hữu Liên Á Châu, báo cáo tài chính công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối giai đoạn tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn gía thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
+ Máy móc thiết bị	04 - 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 10 năm
+ Tài sản cố định khác	05 - 25 năm
+ Tài sản cố định vô hình	50 năm

4.7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Chính sách khấu hao được áp dụng nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Tập đoàn.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.9. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc năm tài chính năm. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: được trích lập theo đề xuất của Hội Đồng Quản Trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông thường niên.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.12. Thuê tài sản

Các hợp đồng được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản cho Tập đoàn. Các hợp đồng không thỏa điều kiện nêu trên được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.13. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.
- Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.
- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.15. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại mục 2.1 của thuyết minh này, năm 2011 là năm tài chính đầu tiên Tập đoàn thay đổi niên độ kế toán. Niên độ kế toán cho năm 2011 là 9 tháng. Do đó, các số liệu tương ứng được trình bày trong Bảng kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm trong trường hợp này không thể so sánh với các số liệu của năm trước.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	2.145.887.281	15.763.974.394
Tiền gửi ngân hàng	61.807.278.170	68.276.891.413
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
Tổng cộng	**63.953.165.451**	**94.040.865.807**

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	978.477.978.914	723.304.802.569
Trả trước cho người bán	14.855.644.946	34.891.159.000
Các khoản phải thu khác	34.813.260.459	3.301.443.936
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	**1.028.146.884.319**	**761.497.405.505**
Dự phòng phải thu khó đòi	(12.546.226.883)	(4.922.880.815)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	**1.015.600.657.436**	**756.574.524.690**

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, trong đó bao gồm :

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu từ các khách hàng bên ngoài	972.003.666.166	699.957.250.490
Phải thu từ các bên liên quan – Xem mục 8	6.474.312.748	23.347.552.079
Cộng	**978.477.978.914**	**723.304.802.569**

Chi tiết trả trước cho người bán :

	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước cho các nhà cung cấp bên ngoài	14.855.644.946	28.399.298.347
Trả trước cho nhà cung cấp là các bên liên quan- xem mục 8	-	6.491.860.653
Cộng	**14.855.644.946**	**34.891.159.000**

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu bảo hiểm xã hội	-	689.426.355
Thuế GTGT của các hợp đồng thuê tài chính	4.857.572.586	914.382.749
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa kê khai khấu trừ	7.395.127.998	-
Phải thu tiền tạm ứng cho ông Trần Tuấn Nghiệp để thực hiện khoản bảo lãnh tiền vay ngân hàng cho Công ty (khoản bảo lãnh này dự định sẽ chuyển sang cho Công ty đứng tên vào ngày 21/11/2011)– Xem mục 8	22.000.000.000	-
Phải thu khác	560.559.875	1.697.634.832
Cộng	**34.813.260.459**	**3.301.443.936**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	25.932.118	-
Nguyên liệu, vật liệu	446.821.512.475	695.131.004.637
Công cụ, dụng cụ	574.845.054	2.008.218.322
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	93.977.316.990	55.573.904.678
Thành phẩm	93.772.708.283	76.486.965.050
Hàng hóa	90.049.830.292	22.519.836.647
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**725.222.145.212**	**851.719.929.334**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.236.445.692)	(157.372.048)
Giá trị thuần có thể thực hiện	**723.985.699.520**	**851.562.557.286**

Giá trị trích thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 1.079.073.644 đồng do dự phòng hàng hóa, thành phẩm tồn kho bị giảm giá bán.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ vay là 268.950.676.913 đồng – Xem thêm mục 5.11.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

5.4. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	*Nhà cửa*	*Máy móc thiết bị*	*Phương tiện vận tải truyền dẫn*	*Thiết bị, dụng cụ quản lý*	*TSCĐ hữu hình khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	42.371.352.599	134.290.332.972	16.169.186.772	4.017.161.195	1.291.987.480	198.140.021.018
Mua trong năm	9.973.079.231	10.666.583.213	-	621.881.364	565.725.000	21.827.268.808
Tăng từ tài sản thuê tài chính chuyển sang	-	11.959.626.571	-	-	-	11.959.626.571
Đầu tư XDCB hoàn thành	36.141.470.311	8.350.294.301	-	-	-	44.491.764.612
Thanh lý, nhượng bán	-	(105.168.000)	(186.279.741)	-	-	(291.447.741)
Số dư cuối năm	**88.485.902.141**	**165.161.669.057**	**15.982.907.031**	**4.639.042.559**	**1.857.712.480**	**276.127.233.268**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	5.500.016.588	83.030.206.887	8.388.068.908	1.823.557.178	393.097.134	99.134.946.695
Khấu hao trong năm	2.079.857.311	11.517.469.186	1.459.700.060	329.677.351	103.416.648	15.490.120.556
Tăng từ tài sản thuê tài chính chuyển sang	-	3.384.135.404	-	-	-	3.384.135.404
Thanh lý, nhượng bán	-	(105.168.000)	(104.824.084)	-	-	(209.992.084)
Số dư cuối năm	**7.579.873.899**	**97.826.643.477**	**9.742.944.884**	**2.153.234.529**	**496.513.782**	**117.799.210.571**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	36.871.336.011	51.260.126.085	7.781.117.864	2.193.604.017	898.890.346	99.005.074.323
Tại ngày cuối năm	**80.906.028.242**	**67.335.025.580**	**6.239.962.147**	**2.485.808.030**	**1.361.198.698**	**158.328.022.697**

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 27.059.130.120 đồng – Xem thêm mục 5.11 và 5.16.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 53.061.668.328 đồng.

5.5 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	*Máy móc thiết bị*
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	36.916.162.942
Tăng trong năm	52.806.202.943
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(11.959.626.571)
Số dư cuối năm	**77.762.739.314**
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	7.288.279.112
Khấu hao trong năm	6.174.998.857
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.384.135.404)
Số dư cuối năm	**10.079.142.565**
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	29.627.883.830
Tại ngày cuối năm	**67.683.596.749**

Tập đoàn đang thuê máy móc thiết bị sử dụng trong dây chuyền sản xuất theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho Thuê Tài Chính Sacombank.

Theo như điều khoản của những hợp đồng thuê tài chính, Tập đoàn có quyền chọn mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê. Cam kết thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê này được trình bày tại mục số 09 của Thuyết minh này.

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	*Quyền sử dụng đất*	*Phần mềm máy vi tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	176.818.398.843	1.402.906.693	178.221.305.536
Mua trong năm	-	18.175.000	18.175.000
Số dư cuối năm	**176.818.398.843**	**1.421.081.693**	**178.239.480.536**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.894.382.971	26.658.889	6.921.041.860
Khấu hao trong năm	2.874.127.678	70.751.168	2.944.878.846
Số dư cuối năm	**9.768.510.649**	***97.410.057***	**9.865.920.706**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	169.924.015.872	1.376.247.804	171.300.263.676
Tại ngày cuối năm	**167.049.888.194**	**1.323.671.636**	**168.373.559.830**

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 95.745.613.829 đồng – Xem thêm mục 5.11 và 5.16.

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	**Đầu năm**
Mua sắm tài sản cố định	73.842.297.682	-
Quyền sử dụng đất	25.075.000.000	15.000.000.000
Xây dựng nhà máy	-	29.844.915.243
Công trình nhà xưởng	7.027.649.000	7.027.649.000
Dịch vụ tư vấn thiết kế	1.768.181.818	1.768.181.818
Phần mềm kế toán Lemon 3	-	1.148.110.655
Chi phí đóng cọc	1.014.816.209	
Khác	1.743.644.883	-
Tổng cộng	**110.471.589.592**	**54.788.856.716**

5.8 Đầu tư dài hạn khác

	Cuối năm	**Đầu năm**
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết :		
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	13.982.260.541	14.645.500.954
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hữu Liên	16.849.808.749	18.005.036.025
Tổng cộng	**30.832.069.290**	**32.650.536.979**

Đầu tư vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

Tên công ty liên kết	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Ngành nghề kinh doanh*
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	30,68%	30,68%	Sản xuất hàng nội thất và các sản phẩm bằng thép
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hữu Liên	50%	50%	Dịch vụ môi giới, kinh doanh bất động sản

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	**Đầu năm**
Chi phí dụng cụ sản xuất, phụ tùng thay thế	7.886.877.830	2.155.389.542
Chi phí phần mềm Lemon 3 chờ phân bổ	988.650.842	-
Chi phí sửa chữa khác	1.125.198.267	2.887.367.408
Tổng cộng	**10.000.726.939**	**5.042.756.950**

5.10 Tài sản dài hạn khác

	Cuối năm	**Đầu năm**
CĐặt cọc đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng	13.769.222.261	17.348.820.669
Đặt cọc cho các hợp đồng thuê tài chính	9.663.753.000	2.965.382.600
Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	1.785.000.000	1.680.000.000
Khác	126.878.532	542.330.920
Tổng cộng	**25.344.853.793**	**22.536.534.189**

5.11 Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	1.261.745.056.909	1.283.165.298.968
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả - Xem mục 5.16	18.041.099.820	11.489.060.318
Nợ thuê tài chính đến hạn trả - Xem mục 5.16	12.008.069.375	5.928.891.530
Tổng cộng	**1.291.794.226.104**	**1.300.583.250.816**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	*Dư nợ vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Tài sản đảm bảo*
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	149.247.137.807	17,3 – 20 với VNĐ	Máy móc và phương tiện vận chuyển (Xem mục 5.4) Hàng tồn kho (Xem mục 5.3) Tài sản bên thứ 3 là QSD nhà ở và QSD đất tại số 05-07 đường Trần Điện, Quận 5, TP.HCM Tài khoản tiền gửi của Ông Trần Tuấn Nghiệp với số tiền là 20 tỷ đồng
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	44.067.056.513	19,5 – 22,8 với VNĐ	QSD đất (Xem mục 5.6) Hàng tồn kho (Xem mục 5.3)
Ngân hàng TMCP Đệ Nhất	81.933.913.162	23,5 với VNĐ	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	8.553.406.830	18 – 20,5 với VNĐ	Tài khoản tiền gửi của Ông Trần Tuấn Nghiệp mở tại NH HSBC với số tiền là 2 tỷ đồng Các khoản phải thu từ các bên liên quan với trị giá 1.250.000 USD Hàng hóa trong kho với trị giá 1.250.000 USD
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	51.742.000.000	21,5 – 22,5 với VNĐ	Lô hàng sắt thép hình thành từ vốn vay
Ngân hàng Maybank	50.490.730.328	23,3 – 23,51 với VNĐ	Nhà ở thuộc quyền sở hữu của Ông Trần Xảo Cơ theo HĐ thế chấp số MBB-HLA/HDTC01-2010 ngày 14/12/2010
Ngân hàng TMCP Nam Việt	136.684.008.812	22,62 với VNĐ	Lô hàng sắt thép hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	617.427.459.794	6 – 6,9 với USD & 17,8 – 20,4 với VNĐ	QSD đất – Xem mục 5.6 Hàng tồn kho hình thành từ vốn vay Toàn bộ số dư tiền gửi, phải thu, hàng tồn kho tại Công ty Thép Hữu Liên Khoản vay không có tài sản đảm bảo là 200 tỷ đồng
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	33.222.877.804	19 với VNĐ	Lô hàng sắt thép hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Quân Đội	66.048.517.976	7,2 với USD	Lô hàng sắt thép hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN	22.327.947.883	Theo từng lần giải ngân	Lô hàng sắt thép hình thành từ vốn vay
Tổng cộng	**1.261.745.056.909**		

5.12 Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	446.748.707.547	299.027.339.180
Người mua trả tiền trước	2.015.108.210	6.996.792.883
Tổng cộng	**448.763.815.757**	**306.024.132.063**

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, trong đó :

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả nhà cung cấp bên ngoài	432.394.731.777	297.725.128.340
Phải trả các bên có liên quan – Xem mục 8	14.353.975.770	1.302.210.840
Tổng cộng	**446.748.707.547**	**299.027.339.180**

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	7.395.117.995	-
Thuế xuất, nhập khẩu	11.037.371.268	3.448.069.362
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.347.925.712	1.325.013.646
Thuế thu nhập cá nhân	26.575.418	-
Thuế khác	378.059.422	-
Tổng cộng	**33.185.049.815**	**4.773.083.008**

5.14 Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước lãi vay	4.540.477.651	3.650.727.883
Khác	593.193.229	329.571.000
Tổng cộng	**5.133.670.880**	**3.980.298.883**

5.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	230.440.410	58.966.550
Bảo hiểm thất nghiệp phải nộp	80.846.035	132.306.791
Nhận đặt cọc theo hợp đồng kinh tế số 010311/AC-NQ/2011 ngày 01/03/2011	500.000.000	500.000.000
Ứng trước của cổ đông để mua cổ phiếu phát hành	-	2.904.000.000
Khác	-	10.743.515
Tổng cộng	**811.286.445**	**3.606.016.856**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

5.16 Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	105.591.731.981	91.232.337.913
Nợ thuê tài chính – xem thêm mục 09	48.664.016.910	12.889.134.943
Tổng cộng	**154.255.748.891**	**104.121.472.856**

Vay dài hạn từ ngân hàng được chi tiết như sau:

Hợp đồng vay	*Dư nợ vay*		*Lãi suất (%/năm)*	*Tài sản đảm bảo*
	Nợ gốc	Nợ đến hạn trả		
9100	145.880.000	437.568.000	16,52	Quyền sử dụng đất – Xem mục 5.6
11232	4.337.078.981	1.040.912.616	16,52	Nhà cửa vật kiến trúc - Xem mục 5.4
9115	-	1.056.009.204	8,05	Máy móc thiết bị - Xem mục 5.4
KU2493/09	-	95.010.000	21,74	
PHLDN01200810	383.325.000	200.004.000	15,86	Xe Toyota Camry 2.4G-Xem mục 5.4
PHLDN01110910	500.008.000	249.996.000	15,86	Xe Toyota Innova G-Xem mục 5.4
LD1014600266	58.607.408.000	7.644.444.000	21,96	
LD1034800076	4.855.552.000	633.336.000	21,96	
LD1030200295	6.474.080.000	844.440.000	21,96	QSD lô đất B15-B21 KCN Phú An Thạnh, Long An – Xem mục 5.6
LD1030800265	6.474.080.000	844.440.000	21,96	
LD1112400165	3.237.040.000	422.220.000	21,96	
KU 109170539	20.577.280.000	4.572.720.000	21,96	MMTB hình thành từ vốn vay -Xem mục 5.4
Cộng	**105.591.731.981**	**18.041.099.820**		Xem mục 5.11

Chi tiết nợ thuê tài chính như sau :

Hợp đồng thuê	*Dư nợ vay*		*Lãi suất (%/năm)*	*Thời hạn thuê*
	Nợ gốc	Nợ đến hạn trả		
SBL010200901004	1.777.676.783	1.015.815.600	18,78	5 năm
SBL010200906010	7.435.839.585	3.304.816.800	20	4 năm
010-0000274/2007/HĐ-CTTC	-	623.954.075	20	4 năm
HD-3012	5.369.710.203	991.095.000	18,48	5 năm
HD-3011	34.080.790.339	6.072.387.900	18,48	5 năm
Cộng	**48.664.016.910**	**12.008.069.375**	Xem mục 5.11	

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

5.17 Vốn chủ sở hữu

5.17.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Vốn khác của chủ sở hữu*	*Cổ phiếu quỹ*	*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*	*Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu*	*Lợi nhuận chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Số dư đầu năm trước	190.000.000.000	75.000.000.000	-	-	(19.053.596.373)	3.446.176.614	27.427.688.040	190.000.000.000
Tăng vốn	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-		-	100.000.000.000
Kết chuyển thặng dư vốn cổ phần và quỹ	38.000.000.000	(36.000.000.000)	-	-	-	(2.000.000.000)	-	38.000.000.000
Lợi nhuận	-		-	-	-		14.865.095.915	-
Chia cổ tức	-		-	-	-		(52.093.610.000)	-
Trích lập quỹ	-		-	-	-		(4.277.815.583)	-
Chênh lệch tỷ giá	-		-	-	18.408.456.768		-	-
Số dư đầu năm nay	**328.000.000.000**	**139.000.000.000**	**-**	**-**	**(645.139.605)**	**1.446.176.614**	**(14.078.641.628)**	**328.000.000.000**
Tăng vốn trong năm	16.592.930.000	1.887.786.000	-	-	-	-	-	16.592.930.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	2.879.645.041	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	95.000.000	95.000.000	-	(95.000.000)	-	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	645.139.605	-	-	-
Tạm trích quỹ	-	-	-	-	-	-	(3.516.452.473)	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	2.568.320.430	-
Số dư cuối năm	**344.592.930.000**	**140.887.786.000**	**95.000.000**	**95.000.000**	**-**	**1.351.176.614**	**(12.147.128.630)**	**344.592.930.000**

5.17.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

Vay dài hạn từ ngân hàng được chi tiết như sau:

Hợp đồng vay	*Tại ngày 30/09/2011*		*Tại ngày 01/01/2011*	
	Vốn góp	Tỷ lệ %	Vốn góp	Tỷ lệ %
Tổ chức trong nước	18.692.940.000	5,43	26.681.960.000	8,13
Tổ chức nước ngoài	130.460.000	0,04	86.460.000	0,03
Cá nhân trong nước	324.964.870.000	94,3	299.118.560.000	91,20
Cá nhân nước ngoài	804.660.000	0,23	2.113.020.000	0,64
Tổng Cộng	**344.592.930.000**	**100,00**	**328.000.000.000**	**100.00**

5.17.3 Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
• Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	67.200.000	67.200.000
• Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	34.459.293	32.800.000
• Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(9.500)	-
• Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	34.449.793	32.800.000
• Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.17.4 Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Tập đoàn	2.879.645.041	14.865.095.915
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	34.343.549	32.252.055
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	**84**	**461**

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	2.115.339.939.731	1.451.137.806.194
Doanh thu bán thành phẩm	1.156.166.513.189	1.446.517.277.855
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.436.595.669	3.286.269.972
Hàng bán bị trả lại	(3.391.786.936)	(785.732.721)
Doanh thu thuần	**3.269.551.261.653**	**2.900.155.621.300**

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.944.481.652.216	1.318.123.040.296
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.062.953.094.034	1.268.406.622.417
Dự phòng hàng tồn kho	1.079.073.644	157.372.048
Tổng cộng	**3.008.513.819.894**	**2.586.687.034.761**

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền ký quỹ	2.600.251.881	4.810.418.175
Thu nhập từ đầu tư	-	940.637.700
Cổ tức được chia	154.800	130.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.729.775.628	2.365.490.862
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.562	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	926.991	31.727.999
Tổng cộng	**9.331.122.862**	**8.278.774.736**

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	171.551.647.588	118.464.128.314
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.340.506.282	81.962.197.936
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	474.120.724	445.153.025
Chi phí thực hiện các khoản vay	-	17.371.106.863
Lỗ từ hoạt động đầu tư	-	480.011.000
Chi phí hoạt động tài chính khác	105.132.405	112.205.280
Tổng cộng	**179.471.406.999**	**218.834.802.418**

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.904.369.651	3.279.539.019
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.029.728	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.272.927.934	10.504.070.809
Chi phí bằng tiền khác	2.899.643.310	1.839.570.109
Tổng cộng	**33.077.970.623**	**15.623.179.937**

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	11.648.942.904	14.838.517.648
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	155.834.089	773.738.783
Chi phí khấu hao	5.807.959.498	5.127.012.137
Thuế, phí, lệ phí	65.135.600	41.018.000
Chi phí dự phòng	7.623.346.068	6.507.968.586
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.406.560.632	1.874.619.385
Chi phí bằng tiền khác	11.691.557.138	35.318.979.009
Tổng cộng	**42.399.335.929**	**64.481.853.548**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Trợ cấp mất việc làm	*Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch bán hàng nội bộ*	*Lỗ do chênh lệch tỷ giá*	*Trích trước chi phí lãi vay*	*Chuyển lỗ*	*Tổng cộng*
Số dư đầu năm trước	-	-	59.517.038	663.748.249	1.183.349.000	1.906.614.287
Hạch toán là thu nhập (chi phí) trong kết quả kinh doanh năm trước	450.134.210	864.662.153	(59.517.038)	(663.748.249)	(1.183.349.000)	(591.817.924)
Số dư đầu năm nay	450.134.210	864.662.153	-	-	-	1.314.796.363
Hạch toán là thu nhập (chi phí) trong kết quả kinh doanh trong năm	(135.567.326)	1.075.321.805	111.358.524	-	-	1.051.113.003
Số dư cuối năm	**314.566.884**	**1.939.983.958**	**111.358.524**	**-**	**-**	**2.365.909.366**

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như:

- Kinh doanh và sản xuất sản phẩm cơ khí, các sản phẩm được làm từ thép
- Đại lý môi giới, kinh doanh bất động sản và đại lý hàng hóa

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 như sau:

	Kinh doanh và sản xuất sản phẩm cơ khí, các sản phẩm được làm từ thép	*Đại lý môi giới, kinh doanh bất động sản và đại lý hàng hóa*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Doanh thu	3.563.610.170.478	-	(294.058.908.825)	3.269.551.261.653
Kết quả bộ phận				
Kết quả hoạt động kinh doanh	19.859.659.967	-	(5.008.215.863)	14.851.444.104
Thuế TNDN				(11.971.799.063)
Lợi ích của cổ đông thiểu số				-
Lợi nhuận sau thuế				**2.879.645.041**

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 09 năm 2011 như sau:

	Kinh doanh và sản xuất sản phẩm cơ khí, các sản phẩm được làm từ thép	*Đại lý môi giới, kinh doanh bất động sản và đại lý hàng hóa*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Tài sản bộ phận	2.414.105.378.369	-	-	2.414.105.378.369
Nợ phải trả bộ phận	1.939.420.614.385	-	-	1.939.420.614.385

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Kinh doanh và sản xuất sản phẩm cơ khí, các sản phẩm được làm từ thép	*Đại lý môi giới, kinh doanh bất động sản và đại lý hàng hóa*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Doanh thu	2.901.320.168.939	3.797.044.180	(4.961.591.819)	2.900.155.621.300
Kết quả bộ phận				
Kết quả hoạt động kinh doanh	26.356.242.534	1.138.627.821	(3.721.763.907)	23.773.106.448
Thuế TNDN				(8.629.126.557)
Lợi ích của cổ đông thiểu số				(278.883.976)
Lợi nhuận sau thuế				**14.865.095.915**

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Kinh doanh và sản xuất sản phẩm cơ khí, các sản phẩm được làm từ thép	*Đại lý môi giới, kinh doanh bất động sản và đại lý hàng hóa*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Tài sản bộ phận	2.182.970.464.287	-	-	2.182.970.464.287
Nợ phải trả bộ phận	1.729.248.068.906	-	-	1.729.248.068.906

Trong năm 2009, Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Liên ("HLIC") là công ty con của Công ty, trong đó Công ty nắm 66,67% quyền sở hữu. Vào ngày 23 tháng 9 năm 2010, HLIC phát hành thêm 1.000.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VNĐ mỗi cổ phiếu cho cổ đông mới. Theo đó, phần trăm quyền sở hữu HLIC được nắm giữ bởi Công ty giảm còn 50%. Việc phát hành cổ phiếu trên đã được Ban Giám đốc xem tương tự như là việc thanh lý khoản đầu tư vào công ty con dẫn đến kết quả làm mất quyền kiểm soát.

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên công ty	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hữu Liên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	Công ty liên kết

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau – Xem mục (5.2)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hữu Liên	-	15.677.431
Trả trước cho Công ty CP Đầu Tư Hữu Liên	-	6.491.860.653
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	6.474.312.748	23.331.874.648
Phải thu tiền tạm ứng cho ông Trần Tuấn Nghiệp để thực hiện khoản bảo lãnh tiền vay ngân hàng cho Công ty (khoản bảo lãnh này dự định sẽ chuyển sang cho Công ty đứng tên vào ngày 21/11/2011)	22.000.000.000	-
Cộng	**28.474.312.748**	**29.839.412.732**

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau – Xem mục (5.12)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hữu Liên	3.530.064.902	1.302.210.840
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	10.823.910.868	-
Cộng	**14.353.975.770**	**1.302.210.840**

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán thành phẩm	22.708.681.950	-
Bán hàng hóa	20.227.072.646	23.347.552.079
Thu nhập cho thuê	1.262.985.543	-
Thu nhập do cung cấp dịch vụ gia công	115.504.168	-
Mua nguyên vật liệu	14.721.439.393	-
Mua hàng hóa	5.495.261.336	-
Mua công cụ đồ dùng	462.277.041	-
Chi phí vận chuyển xe đầu kéo	14.203.952.892	-
Chi phí thuê nhà	368.127.273	1.302.210.840
Chi phí xây dựng nhà xưởng	14.189.281.287	-
Chi phí nhận san nhượng mặt bằng	334.545.455	-

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	297.000.000	434.000.000
Lương Ban Tổng Giám đốc	2.534.520.530	3.826.460.706
Tổng cộng	**2.831.520.530**	**4.260.460.706**

9. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

Tập đoàn đang thuê máy móc thiết bị dùng cho việc sản xuất ống thép với thời gian sử dụng ước tính từ 05 đến 49 năm theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn thuê từ 01 đến 05 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Phải trả ngắn hạn		
Từ 1 năm trở xuống – xem mục 5.11	12.008.069.375	5.928.891.530
Phải trả dài hạn		
Trên 1 năm đến 5 năm – xem mục 5.16	48.664.016.910	12.889.134.943
Tổng cộng	**60.672.086.285**	**18.818.026.473**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 15 tháng 11 năm 2011.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ THANH LOAN	TRẦN TUẤN NGHIỆP

VƯỢT QUA THÁCH THỨC

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Sản phẩm thép thương hiệu Hữu Liên được sử dụng cho hàng triệu công trình nhà ở, khách sạn, cao ốc thương mại, nhà máy và sân bay… ở Việt Nam. Với mục tiêu mang sản phẩm thép HLAC đến với hàng ngàn công trình nhà ở, khách sạn, cao ốc thương mại, nhà máy, sân bay, bến cảng... chúng tôi thiết lập mạng lưới phân phối đa dạng thông qua hệ thống các nhà phân phối lớn, các đại lý bán sỉ, các cửa hàng bán lẻ và phân phối trực tiếp đến các dự án. Ngoài ra, sản phẩm của Hữu Liên Á Châu còn được xuất khẩu sang những quốc gia như Mỹ, Úc, Myanmar, Singapore, Philippines, Campuchia, Lào…

Sản phẩm của Hữu Liên Á Châu
được xuất khẩu sang những quốc gia như
Mỹ, Úc, Myanmar, Singapore, Philippines, Campuchia, Lào...

TĂNG CƯỜNG GIÁ TRỊ

1. CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ trụ sở chính	R1-49 Khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. HCM
Điện thoại	(84-8) 5412 2948 – (84-8) 5412 0781
Fax	(84-8) 5412 2947
Vốn điều lệ	39,7 tỷ đồng
Vốn góp của Hữu Liên Á Châu	30,68%
Giấy chứng nhận ĐKKD	Số 4103007675 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 8 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 28 tháng 7 năm 2009
Người Đại diện theo Pháp luật	Ông Trần Tuấn Minh – Tổng Giám đốc Công ty
Website chính thức	http://www.minghuulien.com.vn
Thông tin chung	Ngày 20/04/2001 đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong quá trình phát triển của Hữu Liên Á Châu khi Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần. Đồng thời Công ty cũng mở rộng hoạt động sản xuất - kinh doanh sang một số lĩnh vực mới như sản xuất sản phẩm hàng trang trí nội thất, dịch vụ thương mại, kinh doanh bất động sản. Minh Hữu Liên tiền thân là một bộ phận sản xuất các sản phẩm nội thất phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu sang thị trường quốc tế của Hữu Liên Á Châu được thành lập từ năm 2003. Dựa trên nền tảng vững chắc đó, Minh Hữu Liên chính thức tách khỏi Hữu Liên Á Châu và thành lập Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên vào tháng 8 năm 2007 với Hữu Liên Á Châu là một trong những cổ đông chính. Hoạt động Công ty chuyên sản xuất và mua bán sản phẩm gia dụng có nguồn gốc nguyên liệu từ sắt thép. Trong đó, chú trọng phát triển hai dòng sản phẩm chính: - Sản phẩm trang trí nội thất cao cấp với thương hiệu Ming Furniture như bàn ghế văn phòng, trường học, nhà hàng... - Sản phẩm ứng dụng từ thép với thương hiệu MING: xe đẩy hàng hoá, kệ thép...

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2011	2010	2009	2008
1	Doanh thu bán hàng	189,15	252,00	152,00	36,00
2	Lợi nhuận trước thuế	3,52	4,39	9,56	2,36
3	Lợi nhuận sau thuế	2,10	2,97	7,68	1,43

2. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HỮU LIÊN

Địa chỉ trụ sở chính	Lầu 5, HD Tower, 25bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại	(84-8) 5404 1768
Fax	(84-8) 5404 1160
Vốn điều lệ	40 tỷ đồng
Vốn góp của Hữu Liên Á Châu	50%
Giấy chứng nhận ĐKKD	4103010815
Người Đại diện theo Pháp luật	Ông Phan Văn Dũng - Tổng Giám đốc
Website chính thức	http://www.hlic.com.vn
Thông tin chung	Ngày 05/09/2008 đánh dấu bước ngoặt mới của Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Liên khi công ty trở thành nhà đầu tư và tư vấn, cung cấp dịch vụ và kinh doanh bất động sản chuyên nghiệp. Hướng đi này là minh chứng cho sự năng động, nhạy bén biết nắm bắt cơ hội để phát triển của Ban lãnh đạo Hữu Liên. Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Liên ra đời trên nền móng vững chắc của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu. Với nhiệm vụ chính là quản lý khu phức hợp cao ốc Hữu Liên, triển khai hàng loạt các dự án khu đô thị mới, tổ hợp văn phòng và trung tâm thương mại…

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2011	2010
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	32,37	37,11
2	Lợi nhuận trước thuế	2,02	7,89
3	Lợi nhuận sau thuế	1,51	5,88

MỜI GỌI ĐẦU TƯ

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ THÀNH VIÊN GÓP VỐN
(Chốt ngày 05/01/2012)

1. LOẠI HÌNH SỞ HỮU

ĐỐI TƯỢNG	Số lượng CP đã lưu ký	Số lượng CP chưa lưu ký	Tổng cộng	Tỷ lệ (%) sở hữu
I. Cổ đông là thành viên chủ chốt	9.740.620	542.000	10.282.620	29,8399
II. Cổ phiếu quỹ	-	9.500	9.500	0,0276
III. Công đoàn công ty	-	-	-	-
IV. Cổ đông khác	23.940.733	226.440	24.167.173	70,1325
1. Trong nước	23.835.937	226.440	24.062.377	69,8284
1.1 Cá nhân	19.913.107	226.440	20.139.547	58,4445
1.2 Tổ chức	3.922.830	-	3.922.830	11,3840
2. Nước ngoài	104.796	-	104.796	0,3041
1.1 Cá nhân	85.550	-	85.550	0,2483
1.2 Tổ chức	19.246	-	19.246	0,0559
TỔNG CỘNG	**33.681.353**	**777.940**	**34.459.293**	**100,0000**

2. CƠ CẤU TỶ LỆ SỞ HỮU *(ĐVT: 1.000 ĐỒNG)*

DANH MỤC	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Giá trị	Tỷ lệ(%)	Giá trị	Tỷ lệ(%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn đầu tư CSH	**343.544.970**	**99,6959**	**1.047.960**	**0,3041**	**344.592.930**	**100,0000**
Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên	*71.606.300*	*20,7800*	-	-	*71.606.300*	*20,7800*
Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5%	*131.524.900*	*38,1682*	-	-	*131.524.900*	*38,1682*
Cổ đông sở hữu dưới 1%	*140.318.770*	*40,7202*	*1.047.960*	*0,3041*	*141.366.730*	*41,0243*
Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	*95.000*	*0,0276*			*95.000*	*0,0276*

3. DANH SÁCH CHI TIẾT VỀ THÀNH VIÊN CHỦ CHỐT

Họ và tên	Số lượng CP đã lưu ký	Số lượng CP chưa lưu ký	Số lượng CP	Tỷ lệ (%) sở hữu
Trần Xảo Cơ - *Chủ tịch HĐQT*	7.010.630	150.000	7.160.630	20,7800
Trần Tuấn Nghiệp - *Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ*	1.494.400	90.000	1.584.400	4,5979
Phan Văn Dũng - *Thành viên HĐQT*	58.780	50.000	108.780	0,3157
Bùi Quang Hiệp - *Thành viên HĐQT kiêm GĐ điều hành*	135.000	50.000	185.000	0,5369
Đoàn Minh Tiến - *Thành viên HDQT*	-	-	-	-
Trần Tuấn Minh - *Giám đốc Kỹ Thuật*	881.510	70.000	951.510	2,7613
Phạm Trần Ái Trung - *Giám đốc tài chính*	-	30.000	30.000	0,0871
Nguyễn Thị Thanh Loan - *Kế toán trưởng*	4.200	7.000	11.200	0,0325
Khưu Kim Hòa - *Trưởng Ban Kiểm Soát*	125.600	30.000	155.600	0,4515
Lê Anh Hải - *Thành viên BKS*	-	30.000	30.000	0,0871
Nguyễn Thị Hoàng Vân - *Thành viên BKS*	-	5.000	5.000	0,0145
TỔNG CỘNG	**9.710.120**	**512.000**	**10.222.120**	**29,6643**

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

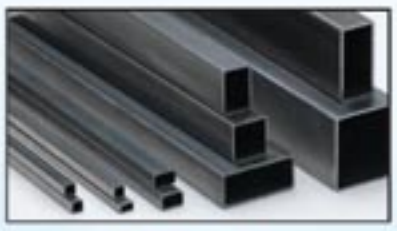
Ống thép

Ống Inox

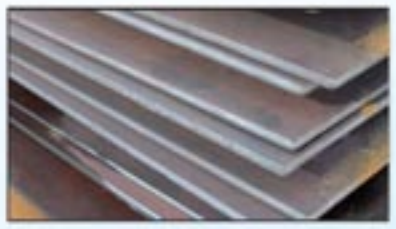
Thép tấm

Xà gồ

ỐNG THÉP HỮU LIÊN

Chất lượng thép, uy tín vàng

www.huulienasia.com

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

KE A2/7 Trần Đại Nghĩa, Phường Tân Tạo A,
Quận Bình Tân, TP. HCM
ĐT: (08) 3877 0062 - Fax: (08) 3877 0093

CÔNG TY TNHH MTV THÉP HỮU LIÊN

Lô B15 - B21, KCN Phú An Thạnh, Đường Tỉnh 830,
Xã An Thạnh, H. Bến Lức, T. Long An
ĐT: (072) 363 8868 - Fax: (072) 363 8869